

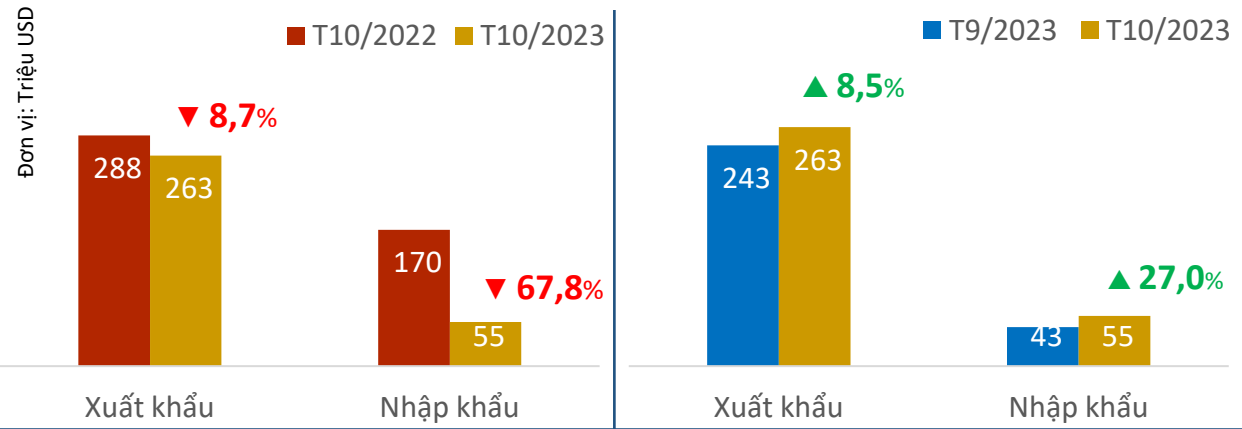
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **Liên Minh Châu Âu (EU)**

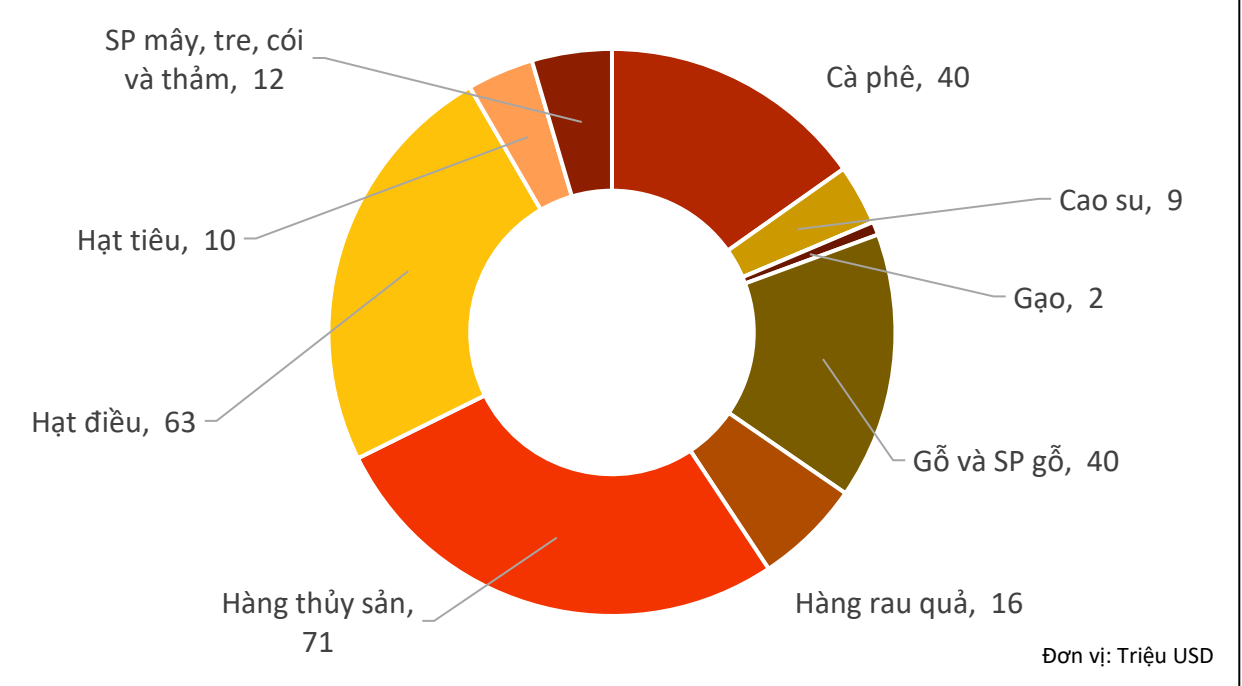


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 10/2023

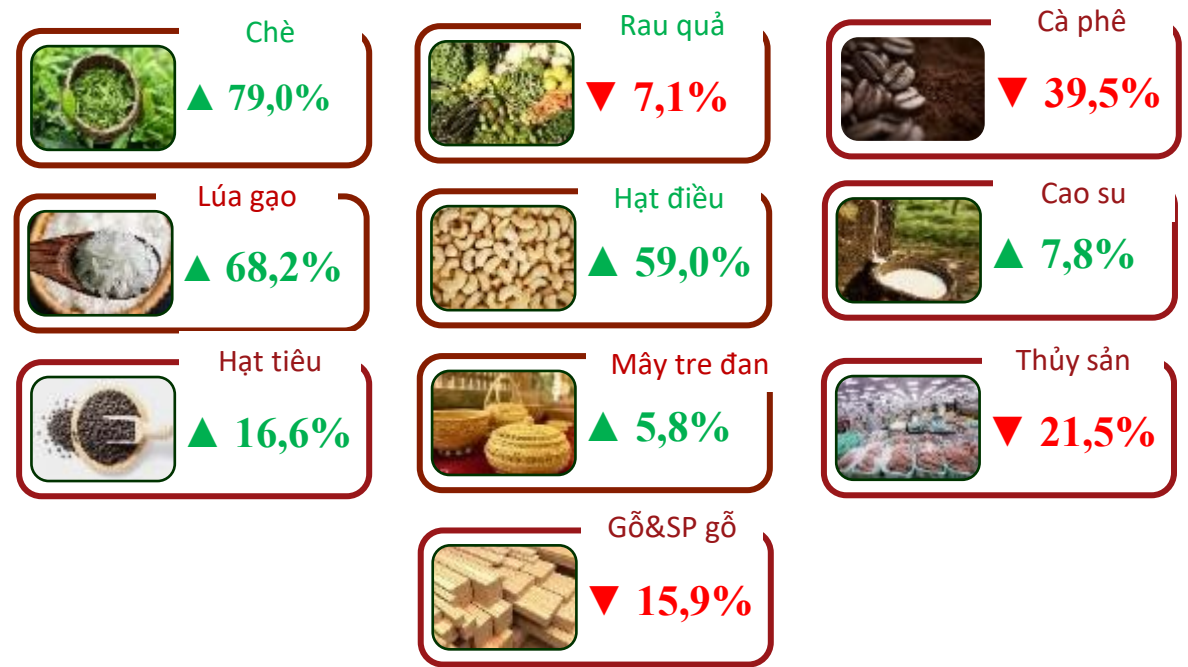
Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu NLTS VN - EU, T10/2023



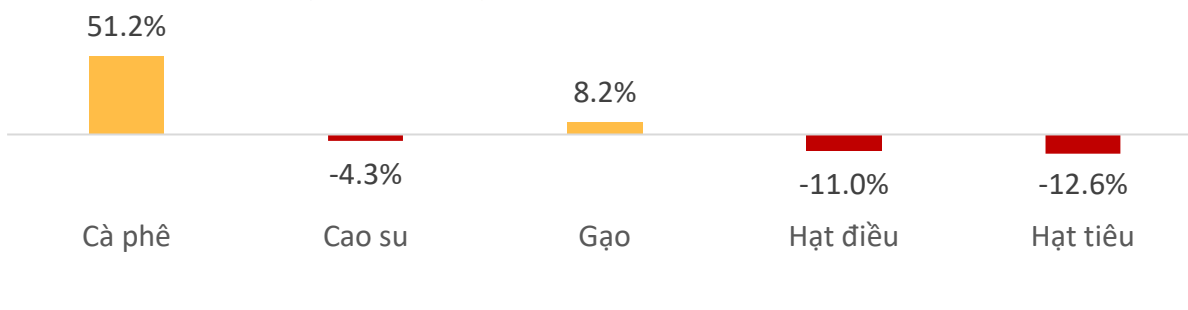
Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU, T10/2023



Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU T10/2023 so với T10/2022



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính VN sang thị trường EU T10/2023 so với T10/2022



Nền kinh tế Eurozone trước tình trạng trì trệ trong quý cuối năm 2023

Theo ước tính sơ bộ, Tổng Sản phẩm Quốc nội (GDP) của khu vực này trong quý 3 giảm 0,1% so với quý trước đó, và

tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước chậm lại đáng kể.

Dữ liệu ban đầu về chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) quý 4 do S&P Global công bố cho thấy Eurozone bước vào quý cuối cùng của năm 2023 với

chỉ số PMI thấp nhất kể từ cuối năm 2020.

Tại cuộc họp vào ngày 26/10 vừa qua, ECB đã giữ nguyên lãi suất, chấm dứt chuỗi 10 đợt tăng lãi suất liên tiếp trước đó, một động thái chưa hề có tiền lệ.

Nguồn: Vietstock.vn



Lạm phát của châu Âu giảm nhanh hơn dự kiến, về gần mức mục tiêu

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Eurozone trong tháng 11 tăng 2,4% so với một năm trước, chậm lại so với mức 2,9% của tháng trước và thấp hơn ước tính của tất cả các nhà kinh tế trong cuộc thăm dò của Bloomberg. Áp lực giá cả ở châu Âu tiếp tục dịu lại ở hầu hết các hạng mục và duy trì ở mức thấp nhất trong hai năm.

CPI cốt lõi của Eurozone, không bao gồm giá nhiên liệu và thực phẩm dễ biến động, suy yếu trong tháng thứ tư liên tiếp, về mức 3,6% trong tháng 11, so với 4,2% trong tháng 10.

Lạm phát trên toàn khu vực đồng euro gồm 20 quốc gia đang

thấp hơn kỳ vọng của các nhà phân tích sau chiến dịch tăng lãi suất chưa từng có tiền lệ ECB. Tuy nhiên, sản lượng kinh tế cũng đang suy yếu, với GDP của eurozone giảm 0,1% trong Quý III, khiến khu vực này đứng trước bờ vực suy thoái.

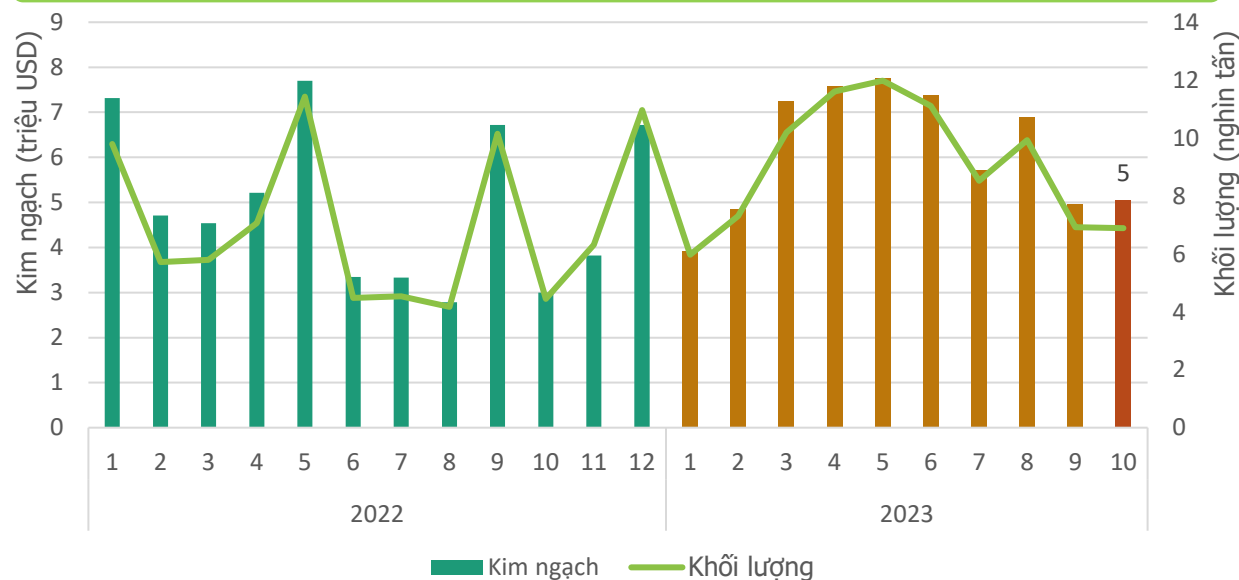
Nguồn: Thesaigontimes.vn





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

5,0 triệu USD



➔ Tăng **1,4%** so với T9/2023

➔ Tăng **68,2%** so với T10/2022

➔ Cao hơn **112,5 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **61,4** tr.USD, đạt **103,7%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

6,9 nghìn tấn



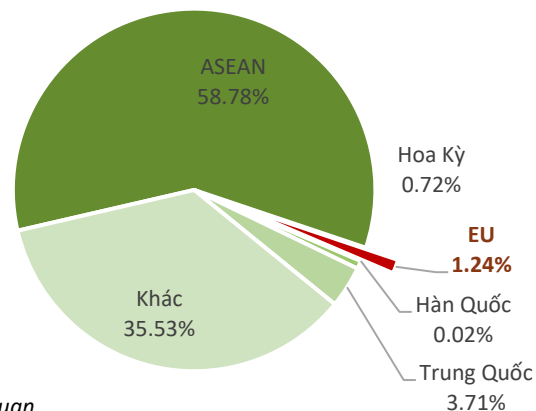
➔ Giảm **0,4%** so với T9/2023

➔ Tăng **55,1%** so với T10/2022

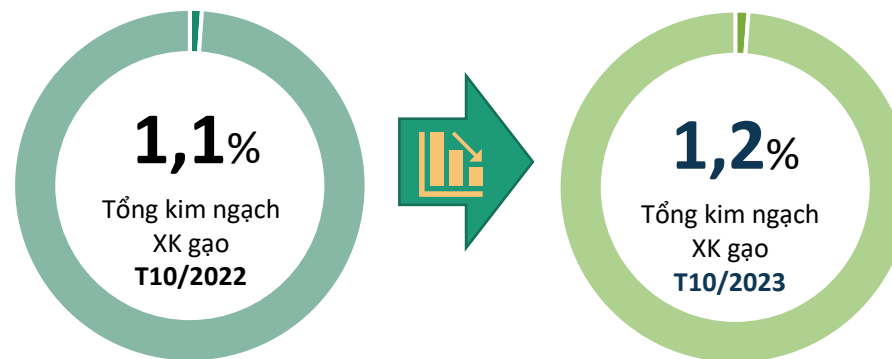
➔ Thấp hơn **179 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **90,4** nghìn tấn, đạt **106,6%** lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU, T10/2023



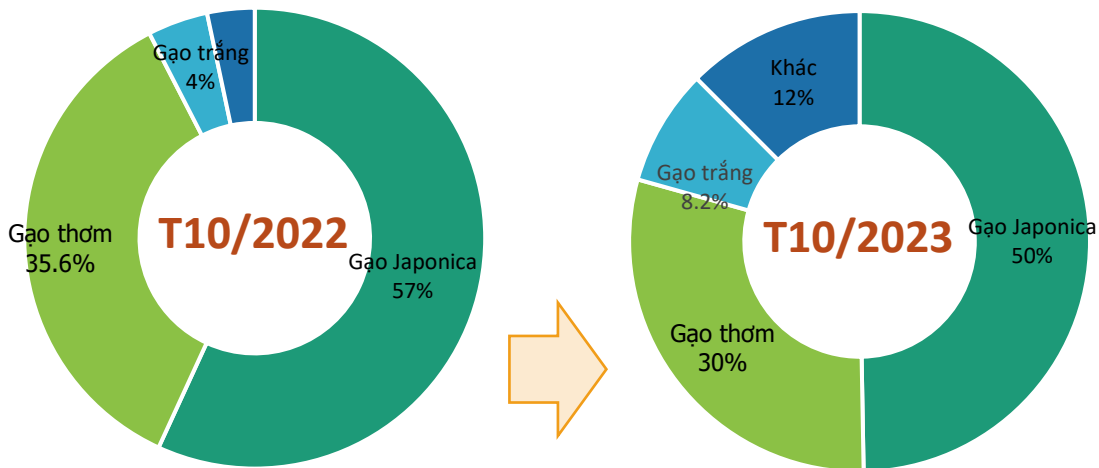
Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU, T10/2023



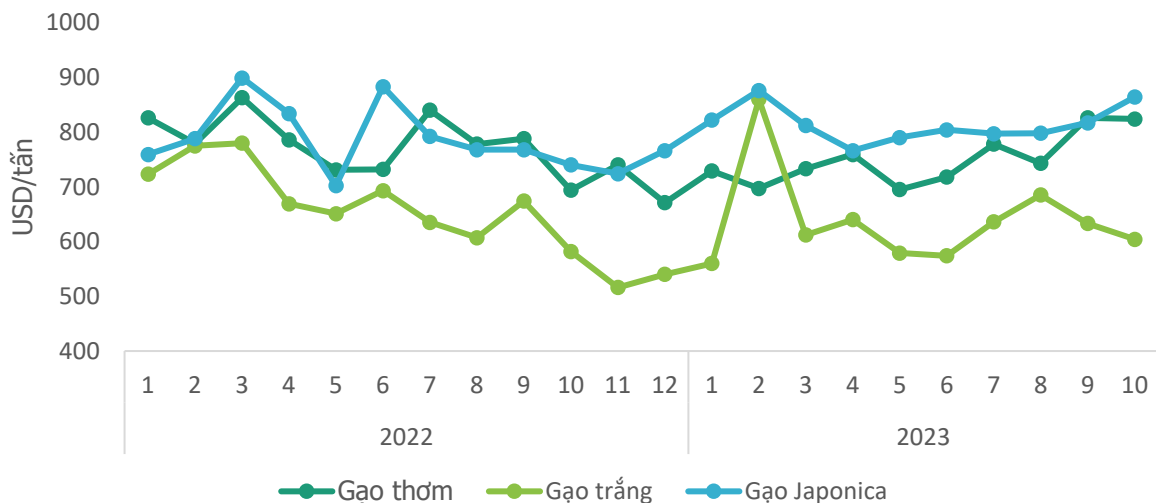


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU, T10/2023



Gạo Japonica

Kim ngạch: **2,5** triệu USD
 Tăng **10%** so với T9/2023
 Tăng **13%** so với T10/2022



Gạo thơm

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
 Tăng **5%** so với T9/2023
 Tăng **8%** so với T10/2022



Gạo trắng

Kim ngạch: **0,4** triệu USD
 Giảm **63%** so với T9/2023
 Tăng **150%** so với T10/2022

Gạo Japonica

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **864** USD/tấn; **tăng 6%** so với tháng trước; và **tăng 17%** so với cùng kỳ năm 2022.

Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **824** USD/tấn; **giảm 0,2%** so với tháng trước; và **tăng 19%** so với cùng kỳ năm 2022.

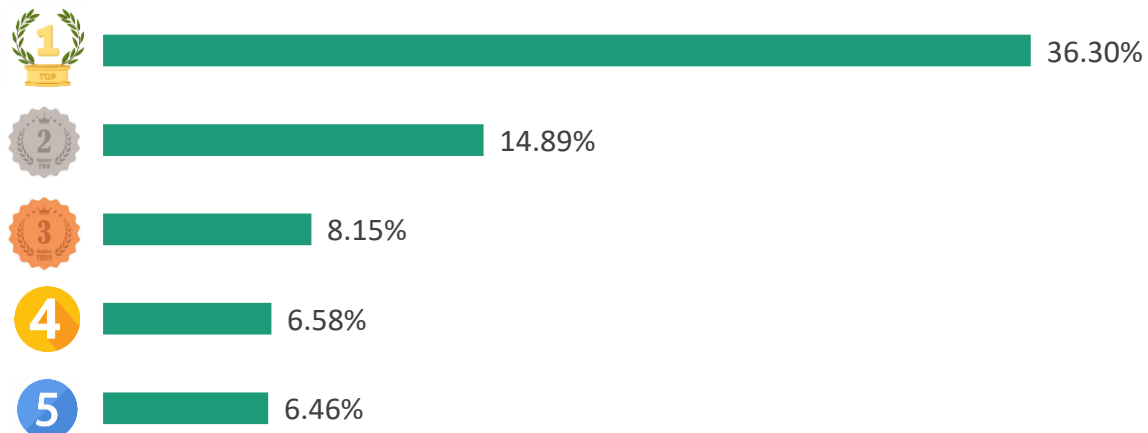
Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **604** USD/tấn; **giảm 5%** so với tháng trước; và **tăng 4%** so với cùng kỳ năm 2022.

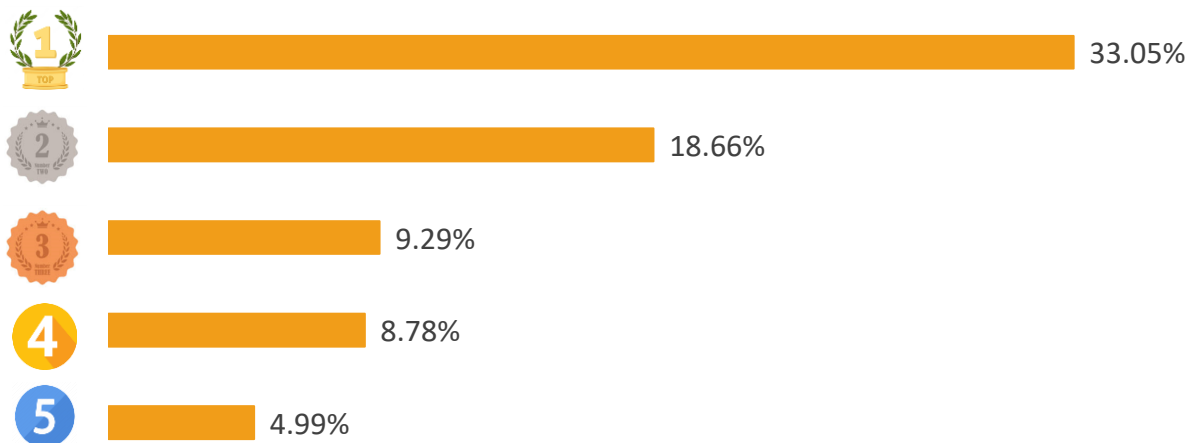


LÚA GẠO

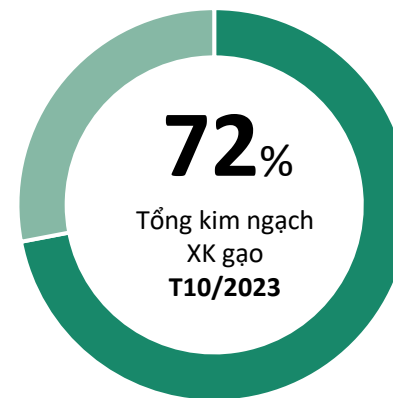
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



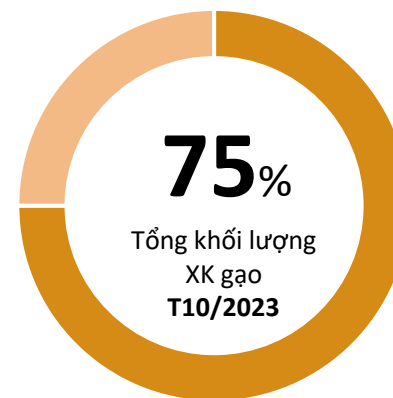
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



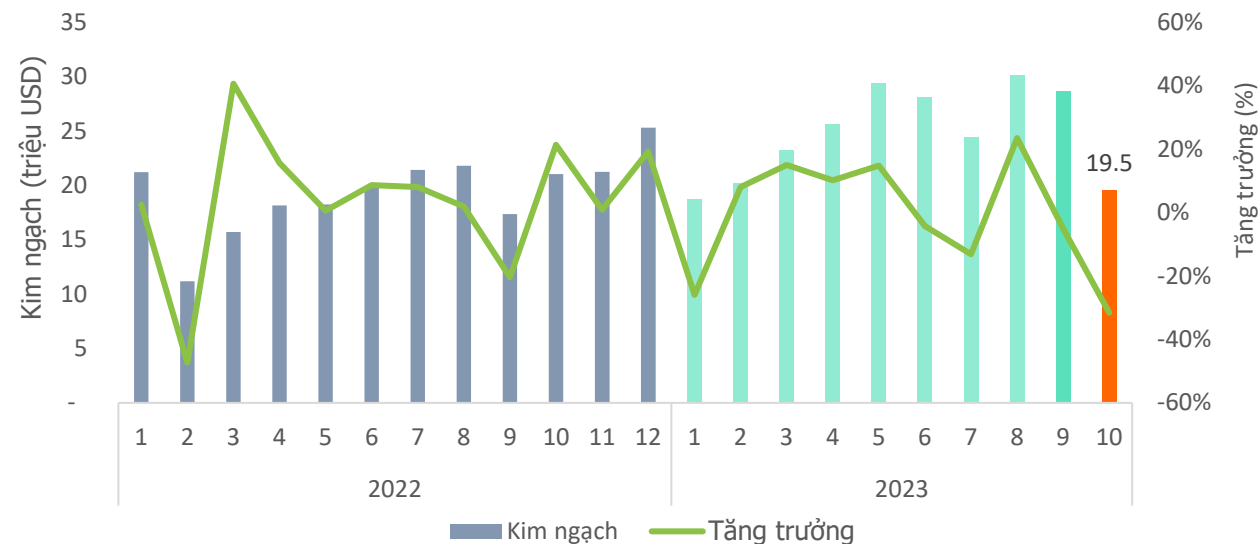
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T10/2023



KIM NGẠCH
19,5
triệu USD

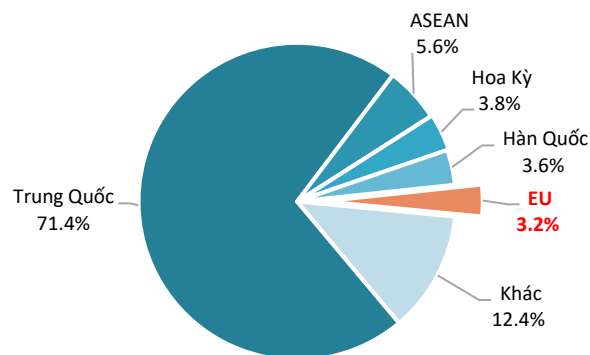
Giảm **31,6%** so với T9/2023

Giảm **7,1%** so với T10/2022

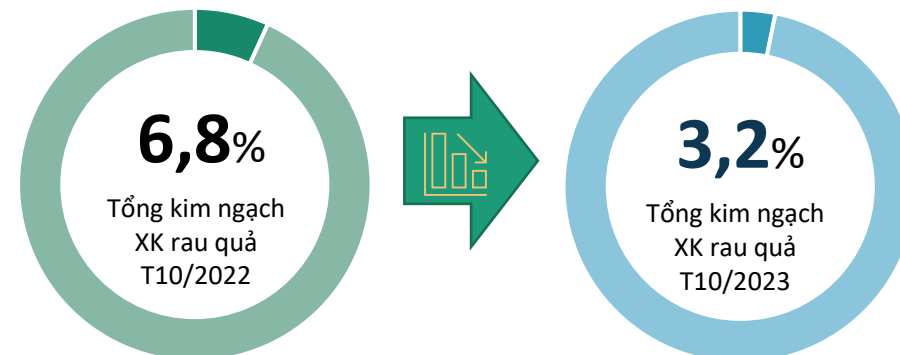
Cao hơn **174 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **247,8 tr.USD**, đạt **106,6%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023



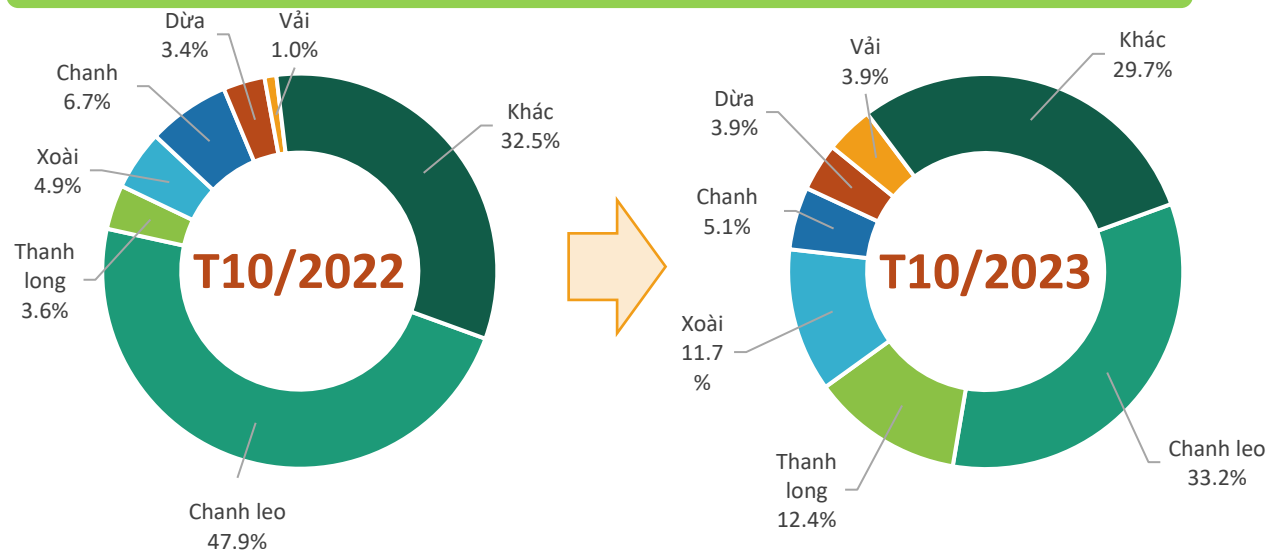
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang thị trường EU, T10/2023





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T10/2023



Chanh leo

Kim ngạch: **6,5** triệu USD
 Giảm **47,4%** so với T9/2023
 Giảm **35,6%** so với T10/2022



Thanh long

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
 Tăng **200,7%** so với T9/2023
 Tăng **215,9%** so với T10/2022



Xoài

Kim ngạch: **2,3** triệu USD
 Tăng **22,6%** so với T9/2023
 Tăng **123,1%** so với T10/2022



Chanh

Kim ngạch: **1,0** triệu USD
 Giảm **5,9%** so với T9/2023
 Giảm **29,3%** so với T10/2022



Dừa

Kim ngạch: **0,77** triệu USD
 Tăng **10,5%** so với T9/2023
 Tăng **6,6%** so với T10/2022



Vải

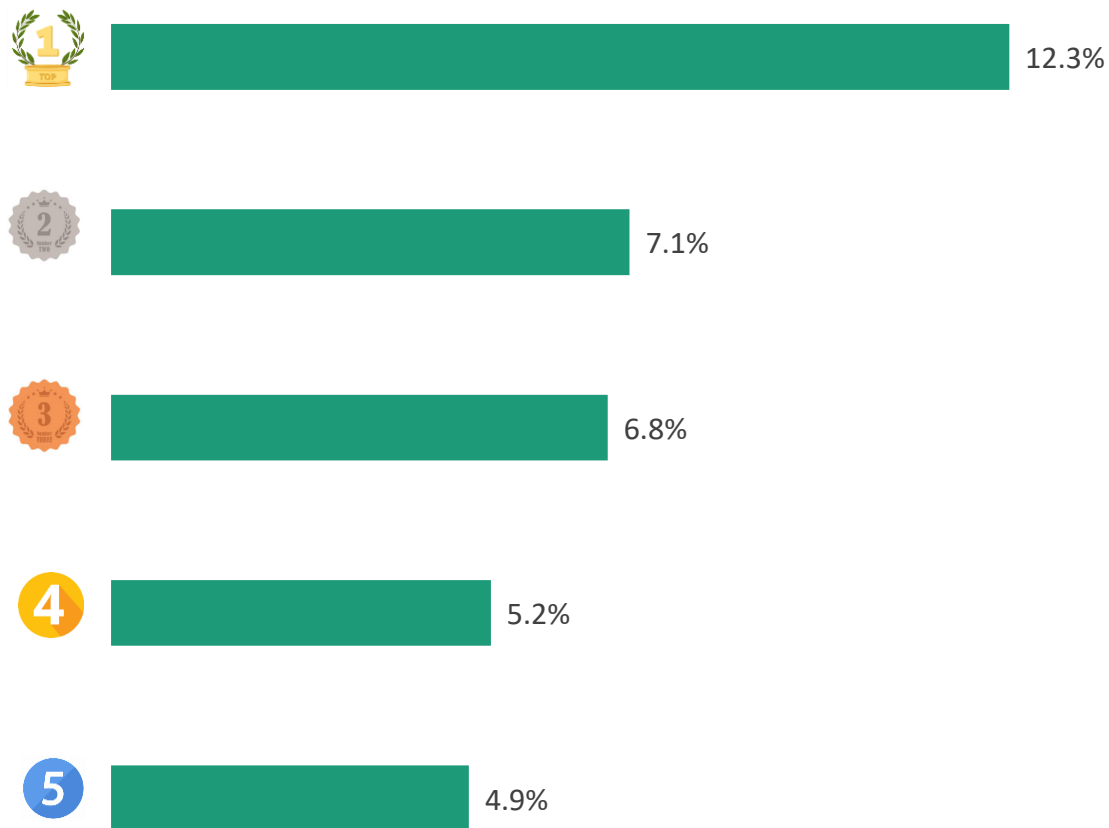
Kim ngạch: **0,76** triệu USD
 Tăng **34,0%** so với T4/2023
 Tăng **273,3%** so với T10/2022

% so với T10/2022

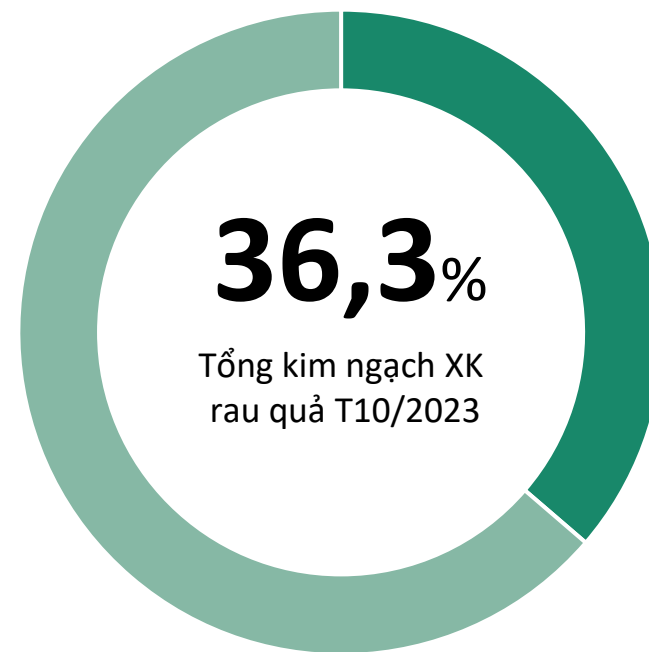


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T10/2023



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

4,3

triệu USD



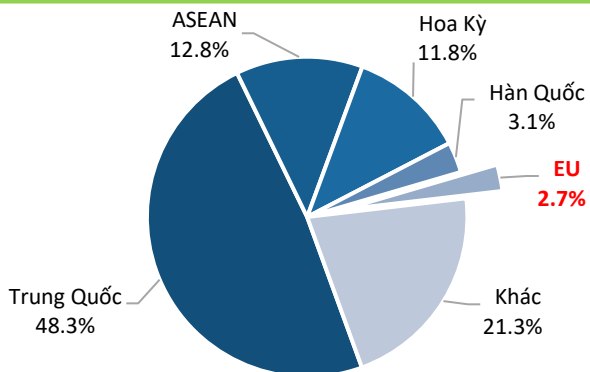
Giảm **37,6%** so với T9/2023

Giảm **36,8%** so với T10/2022

Thấp hơn **2,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **37,2 triệu USD**, đạt **75,0%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T10/2023



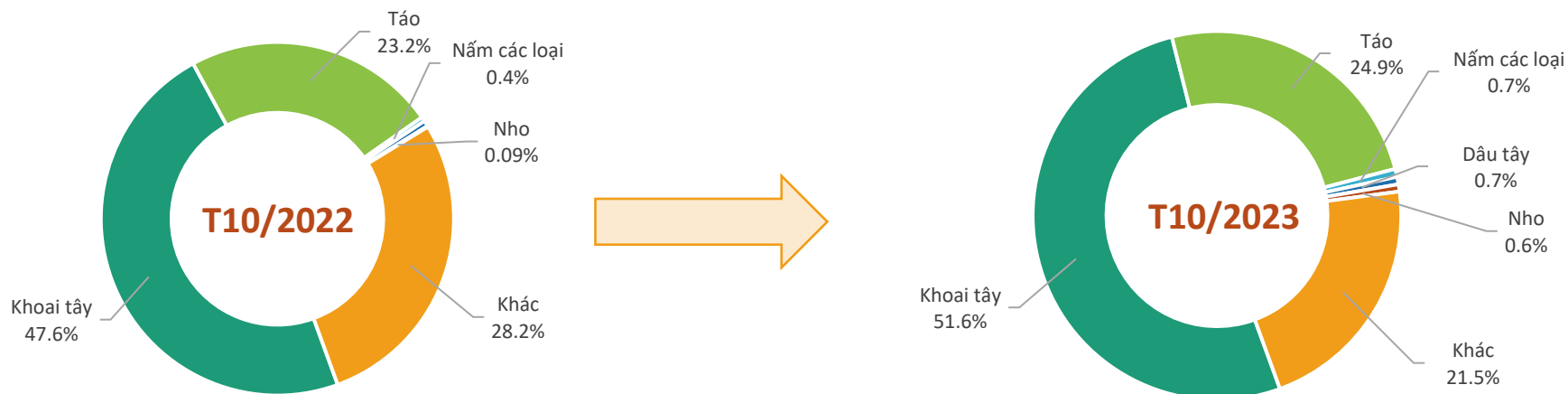
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T10/2023





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T10/2023



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T10/2023



Khoai tây

Kim ngạch: **2,2** triệu USD
 Tăng **179,0%** so với T9/2023
 Giảm **9,7%** so với T10/2022



Táo

Kim ngạch: **1,1** triệu USD
 Tăng **8979%** so với T9/2023
 Giảm **10,6%** so với T10/2022



Nấm các loại

Kim ngạch: **31** nghìn USD
 Tăng **144,5%** so với T9/2023
 Tăng **44,0%** so với T10/2022



Dâu tây

Kim ngạch: **28** nghìn USD
 Tăng **318%** so với T9/2023
 Tăng **4,7%** so với T10/2022

Rau quả

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ EU



1

Theo USDA, sản lượng táo thương mại của EU trong niên vụ 2023/24 (tháng 7/2023 – 6/2024) được dự báo ở mức 11,5 triệu tấn, giảm 2,45% so với niên vụ trước. Tương tự, sản lượng lê thương mại dự kiến đạt 1,7 triệu tấn, giảm 12% và sản lượng nho dự báo đạt 1,29 triệu tấn, giảm 16%.

Nguồn: Freshplaza.com

2

Diện tích bí ngô của Hungary năm 2023 là 1.626 ha, tăng nhẹ so với năm 2022. Sản lượng bí ngô ước đạt 35.000 - 40.000 tấn. Sản lượng này đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng trong nước nên khối lượng nhập khẩu không đáng kể.

Nguồn: Agrotimes.ua

3

Theo Viện Kinh tế Nông nghiệp phi lợi nhuận Hungary (AKI), diện tích trồng khoai tây năm 2023 của nước này đạt 5,83 nghìn ha, sản lượng đạt 161,5 nghìn tấn (giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2022). Sản lượng khoai tây giảm là do chi phí lao động cao, tưới tiêu không thuận lợi, thiếu thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả và khó dự báo nhu cầu thị trường khiến việc trồng khoai tây giống gặp khó khăn.

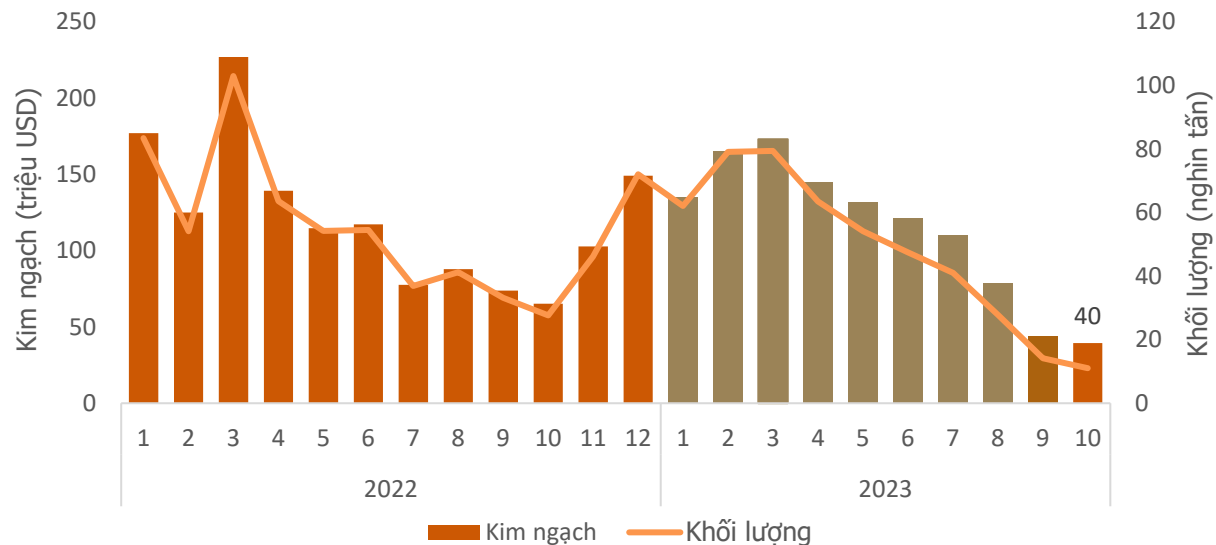
Nguồn: Agroberichtenbuitenland.nl



Tin liên quan

CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

39,6 triệu USD

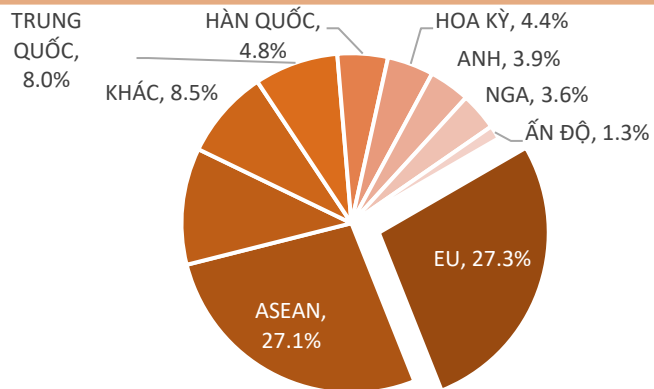
- ▼ Giảm **9,3%** so với T9/2023
- ▼ Giảm **39,5%** so với T10/2022
- ▼ Thấp hơn **81,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022
- ❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **1.143,4** tr.USD, đạt **78,5%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

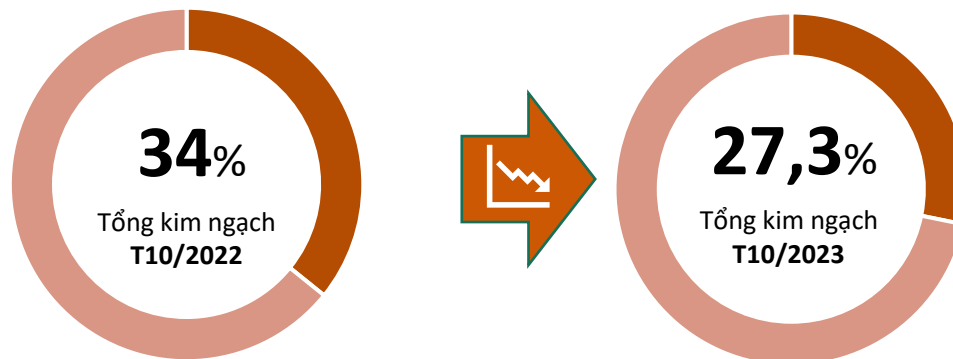
11,1 nghìn tấn

- ▼ Giảm **21,6%** so với T9/2023
- ▼ Giảm **60%** so với T10/2022
- ▼ Thấp hơn **44,8 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022
- ❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **479,9** nghìn tấn, đạt **71,6%** lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023

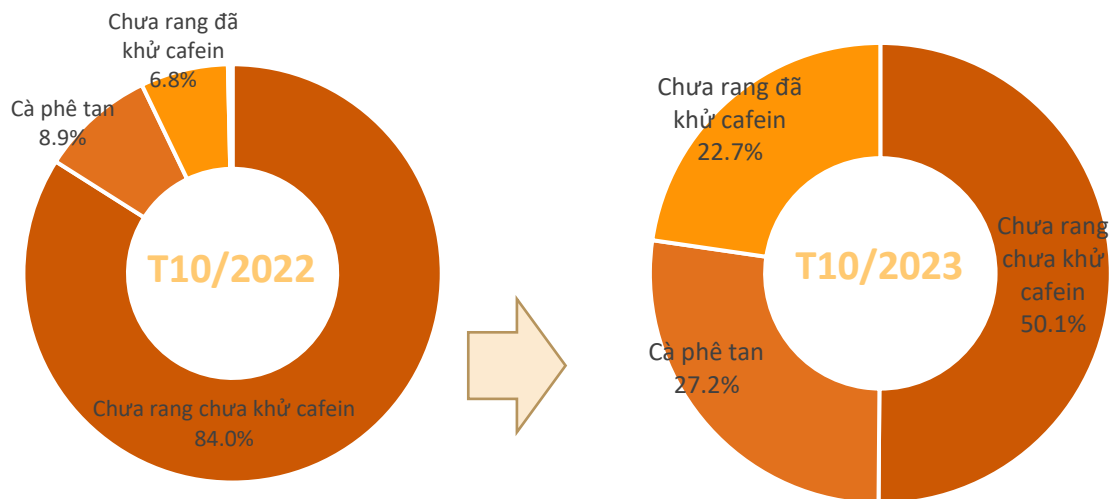


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023

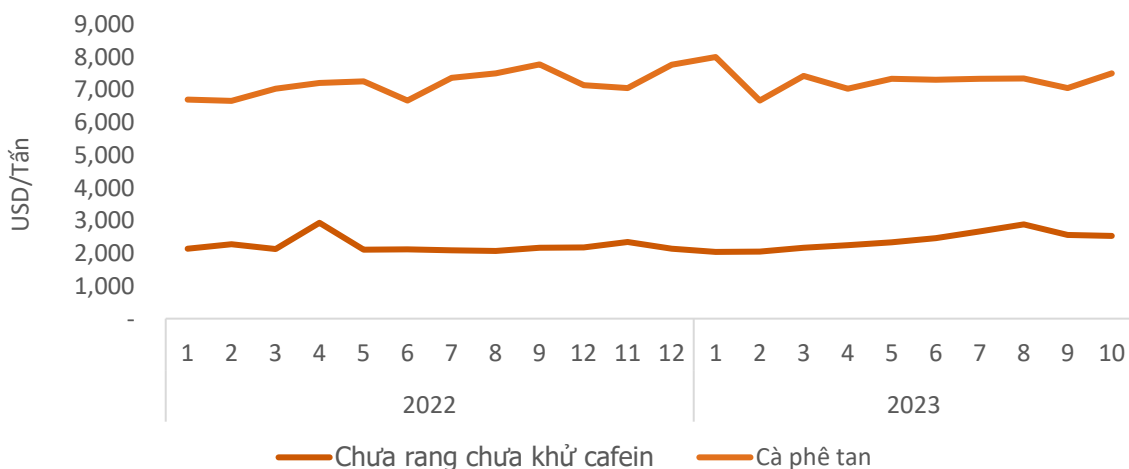


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU, T10/2023



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **19,3** Triệu USD
Giảm **36,4%** so với T9/2023
Giảm **65,4%** so với T10/2022

Cà phê tan

Kim ngạch: **10,5** Triệu USD
Tăng **33,4%** so với T9/2023
Tăng **77,2%** so với T10/2022

Chưa rang đã khử cafein

Kim ngạch: **8,7** Triệu USD
Tăng **63,4%** so với T9/2023
Tăng **93,8%** so với T10/2022

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **7.500** USD/tấn; tăng **6,4%** so với tháng trước, nhưng giảm **1,1%** so với cùng kỳ năm 2022.

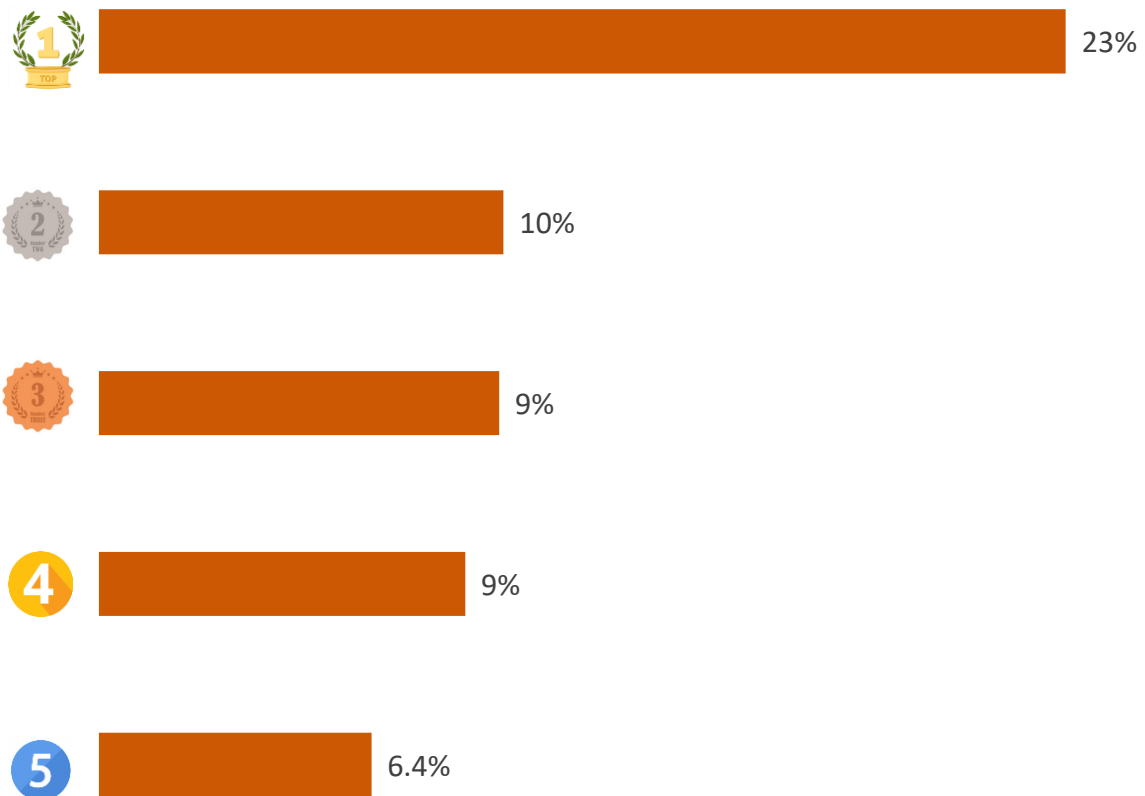
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **2.530** USD/tấn; tăng **5,1%** so với tháng trước, nhưng tăng **17,9%** so với cùng kỳ năm 2022.

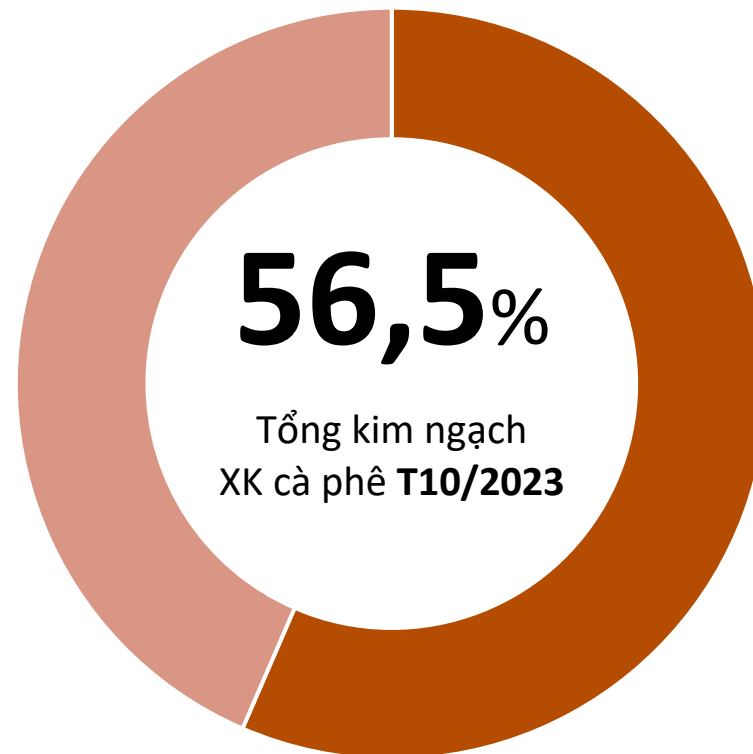


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ EU

Theo Liên đoàn Cà phê châu Âu (ECF), tổng sản lượng cà phê lưu trữ tại các cảng trong khu vực châu Âu tính đến hết tháng 10/2023 đạt 506,411 tấn, giảm 9,4% so với tháng 9/2023, là mức thấp nhất theo tháng kể từ năm 2017. Trong các loại cà phê khu vực này đang lưu trữ, cà phê Robusta giảm mạnh nhất, giảm 49% so với tháng trước, tương đương giảm 25,1 nghìn tấn.

Nguồn: kinhte.congthuong.vn (11/2023)

EU là thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam. Hiện nay, thị trường EU đang có sự thay đổi nhu cầu tiêu thụ từ nhập cà phê nhân chuyển sang cà phê chế biến. Vì vậy, Việt Nam cũng phải ưu tiên đầu tư các cơ sở chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm cà phê và hướng tới phát triển bền vững.

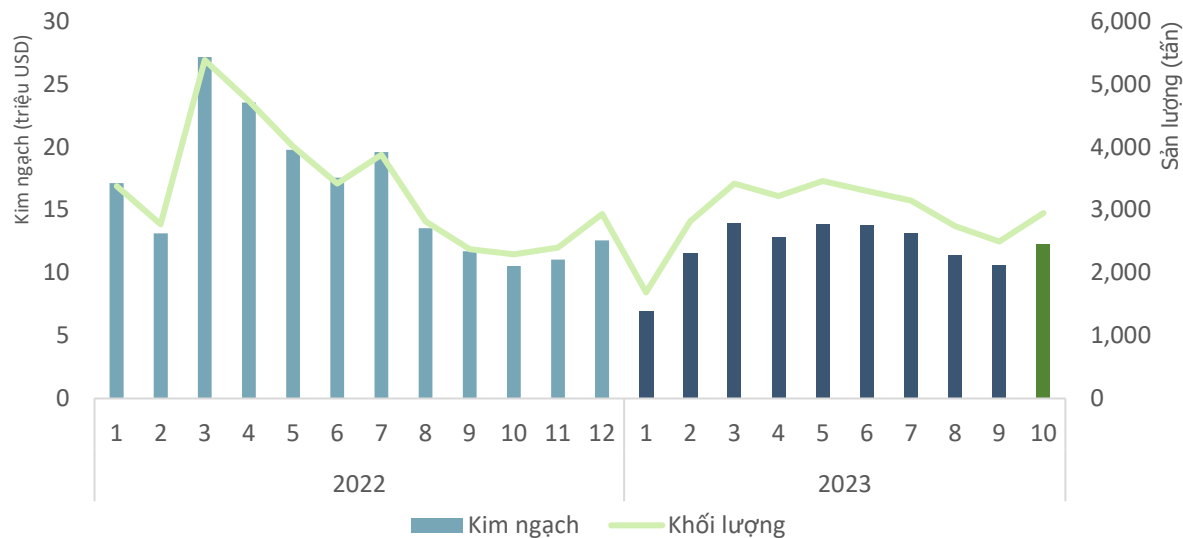
Nguồn: congthuong.vn (11/2023)





HỒ TIÊU

Khối lượng và giá trị hồ tiêu xuất khẩu thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH
12,3 triệu USD

↗ Tăng **15,6%** so với T9/2023

↗ Tăng **16,6%** so với T10/2022

↘ Thấp hơn **4,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **120,3** tr.USD, đạt **61%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG
2,9 nghìn tấn

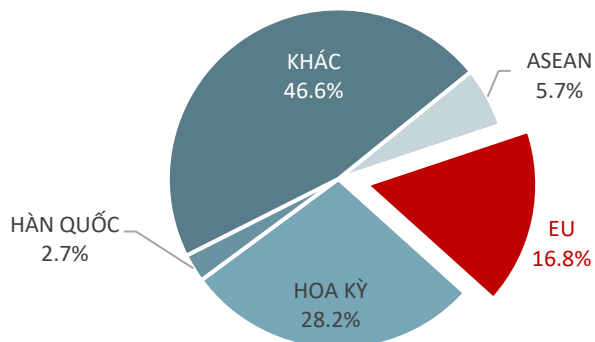
↗ Tăng **18%** so với T9/2023

↗ Tăng **28,6%** so với T10/2022

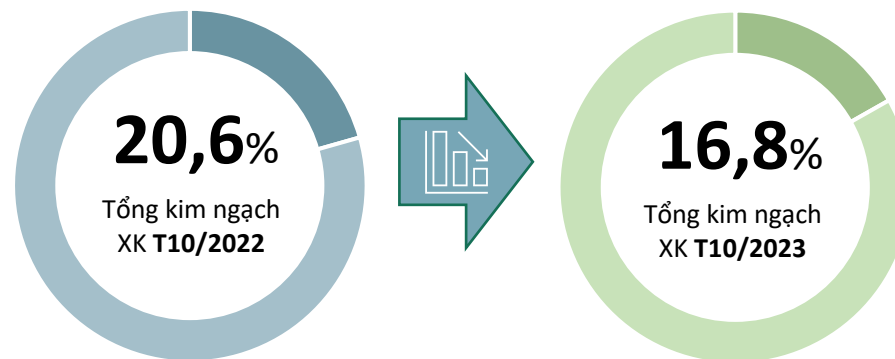
↘ Thấp hơn **420 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **29,2** nghìn tấn, đạt **72%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023



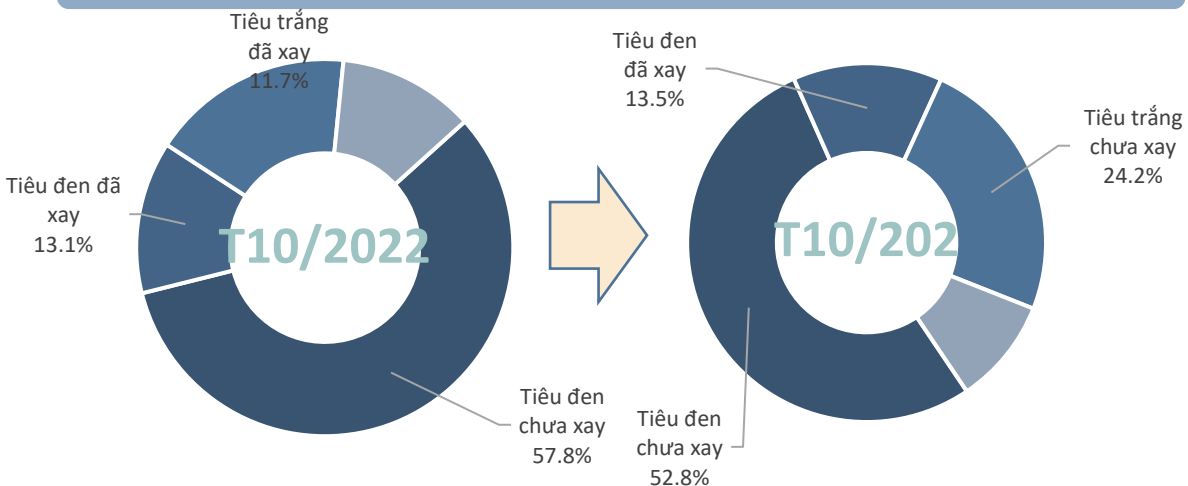
Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023



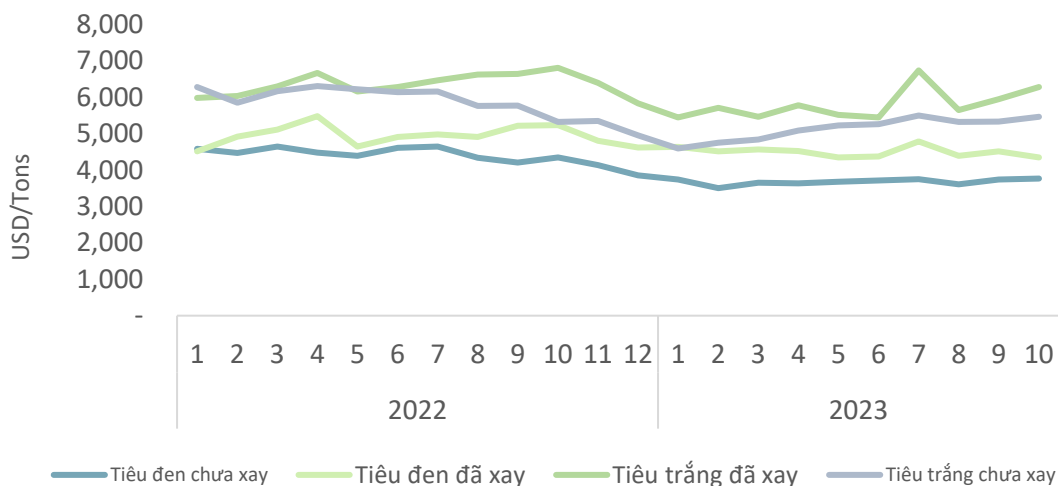


HỒ TIÊU

Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU, T10/2023



Tiêu đen chưa xay

Kim ngạch: **6,5** triệu USD
 Tăng **15%** so với T9/2023
 Tăng **6,5%** so với T10/2022



Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
 Giảm **10,8%** so với T9/2023
 Tăng **19,9%** so với T10/2022



Tiêu trắng chưa xay

Kim ngạch: **2,97** triệu USD
 Tăng **40%** so với T6/2023
 Tăng **62%** so với T10/2022



Tiêu trắng đã xay

Kim ngạch: **1,2** triệu USD
 Tăng **16,4%** so với T6/2023
 Giảm **5,2%** so với T10/2022

Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **3.767 USD/tấn**; tăng **0,7%** so với tháng trước; và giảm **13%** so với cùng kỳ năm 2022.

Tiêu trắng chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **5.460 USD/tấn**; tăng **2,4%** so với tháng trước; và tăng **3%** so với cùng kỳ năm 2022.

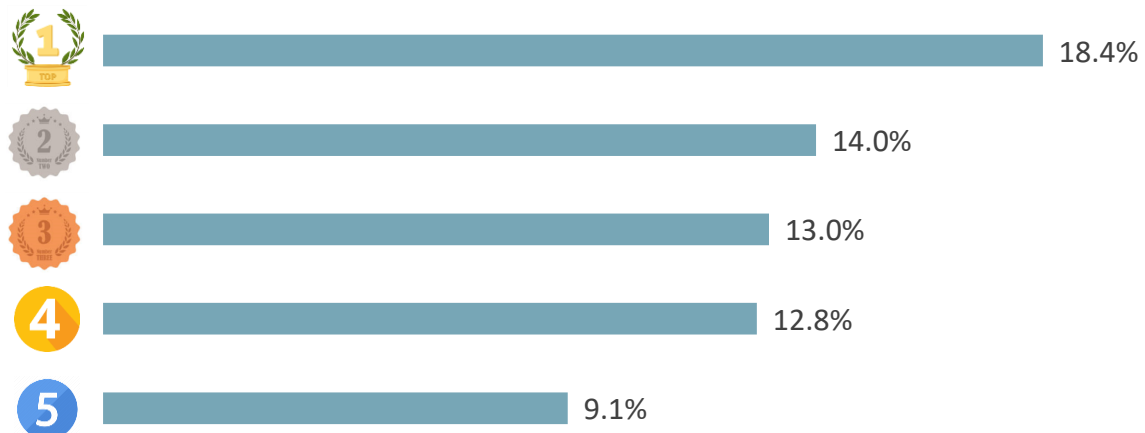
Tiêu trắng đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **6.274 USD/tấn**; tăng **5,5%** so với tháng trước; và giảm **8%** so với cùng kỳ năm 2022.

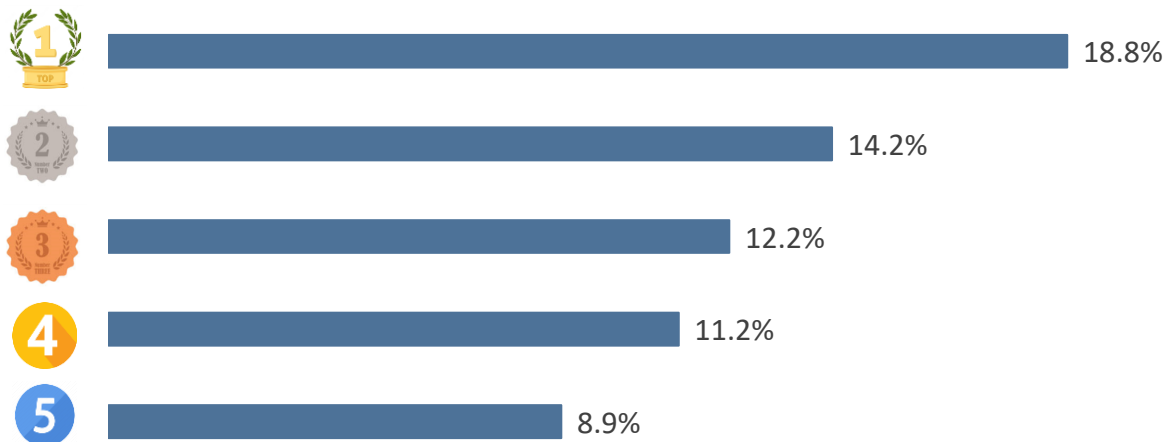


HỒ TIÊU

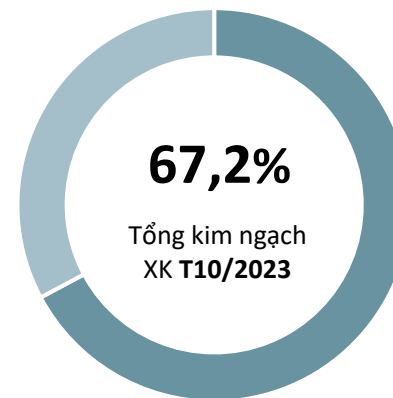
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



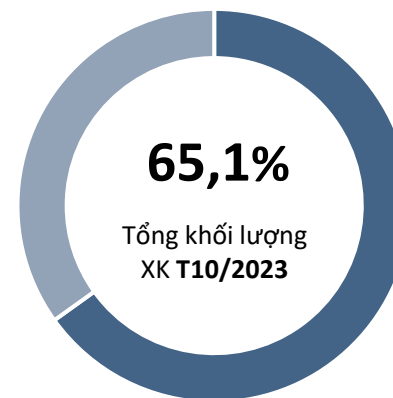
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023





Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho thấy, nhập khẩu hồ tiêu của EU trong 7 tháng đầu năm nay chỉ đạt 46.839 tấn với trị giá 235,4 triệu EUR, giảm 23,1% (14.073 tấn) về lượng và giảm 24,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, 28.883 tấn (tương ứng 62% thị phần) được nhập khẩu từ các thị trường ngoại khối, giảm 29,3% so với cùng kỳ. Còn lại 17.956 tấn là thương mại nội khối, giảm 10,4% và chiếm 38% thị phần.

Việt Nam đang là nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho EU trong 7 tháng với khối lượng đạt 17.915 tấn, giảm 21,6% so với cùng kỳ và chiếm đến 62% tổng nhập khẩu tiêu ngoại khối của EU. Nhập khẩu tiêu của EU từ các thị trường lớn khác cũng giảm như: Brazil đạt 5.048 tấn, giảm 49%; Indonesia đạt 1.736 tấn, giảm 48,8%; Ấn Độ đạt 1.698 tấn, giảm 28%,...

Trong khối EU, các thị trường nhập khẩu tiêu hàng đầu trong 7 tháng đầu năm vẫn là Đức, Hà Lan và Pháp với khối lượng đạt 11.595 tấn, 7.177 tấn và 6.564 tấn, giảm lần lượt 31%, 36,4% và 14,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung các thị trường trong khối EU đều giảm nhập khẩu tiêu ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng bởi lạm phát và lãi suất tăng cao. Mặc dù vậy, châu Âu được đánh giá là thị trường tiêu thụ nhiều tiềm năng mà các nước xuất khẩu tiêu và gia vị hướng đến trong thời gian tới.

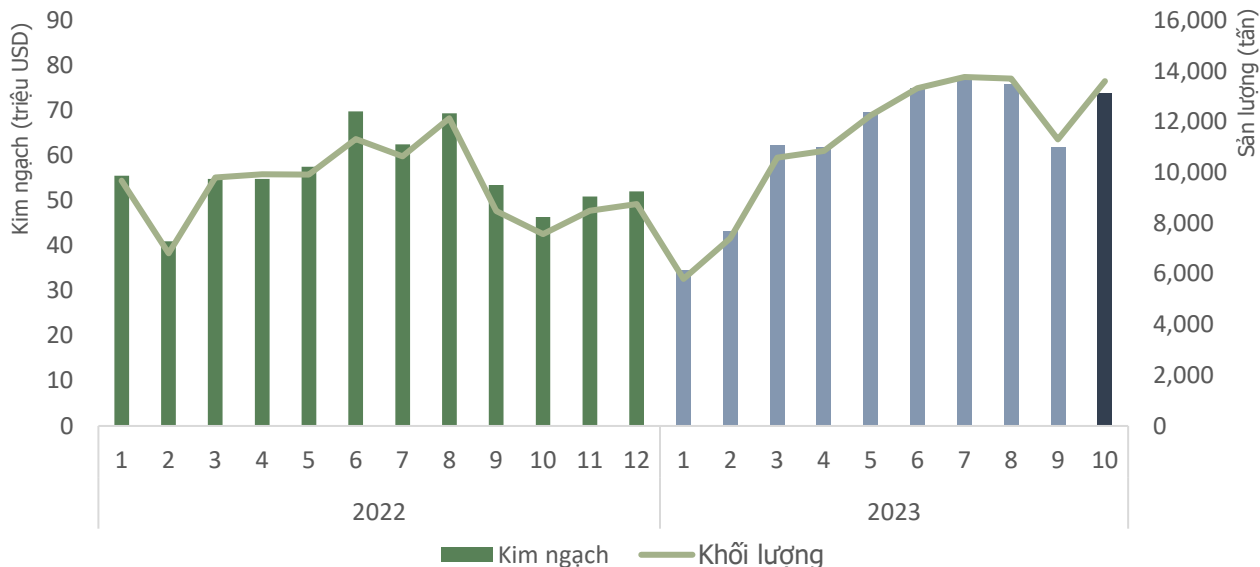
Nguồn: Hiệp hội hồ tiêu (10/2023)





ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

73,8 triệu USD

↗ Tăng **19,6%** so với T9/2023

↗ Tăng **59%** so với T10/2022

↑ Tăng hơn **18,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **634,2** tr.USD, đạt **95%** kim ngạch 2022

KHỐI LƯỢNG

13,6 nghìn tấn

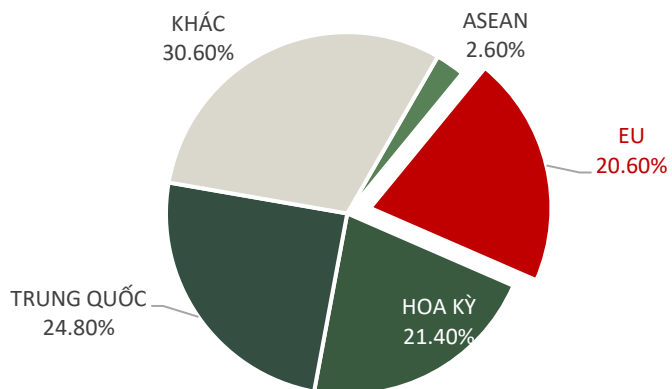
↗ Tăng **20,4%** so với T9/2023

↗ Tăng **80%** so với T10/2022

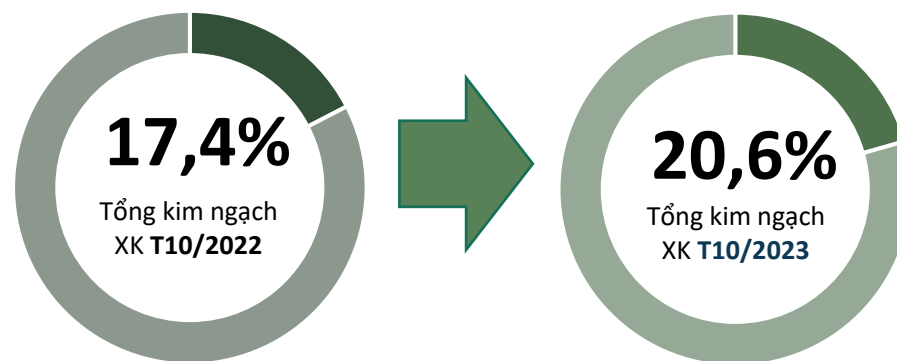
↑ Tăng hơn **4,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **113** nghìn tấn, đạt **99%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023



Biến động tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023

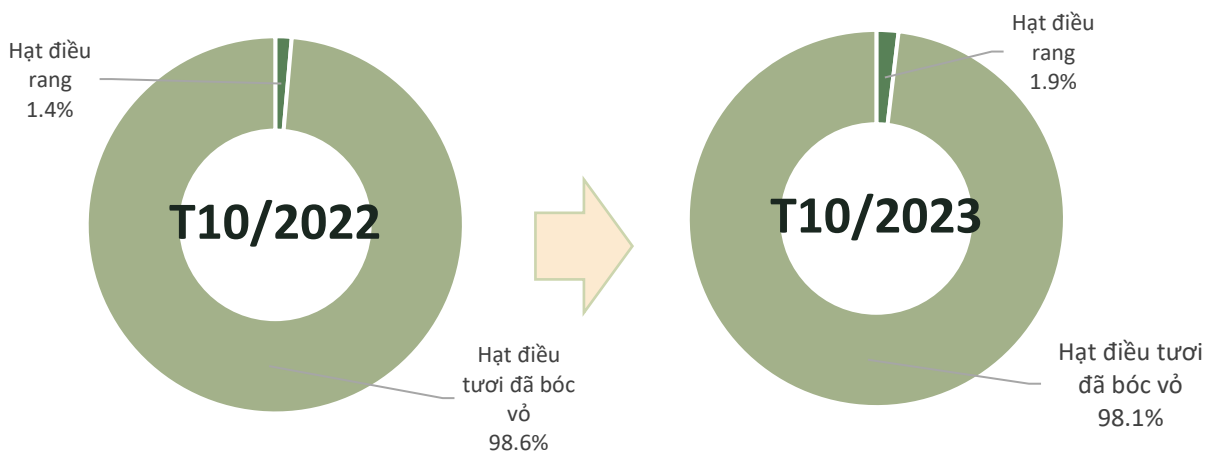


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

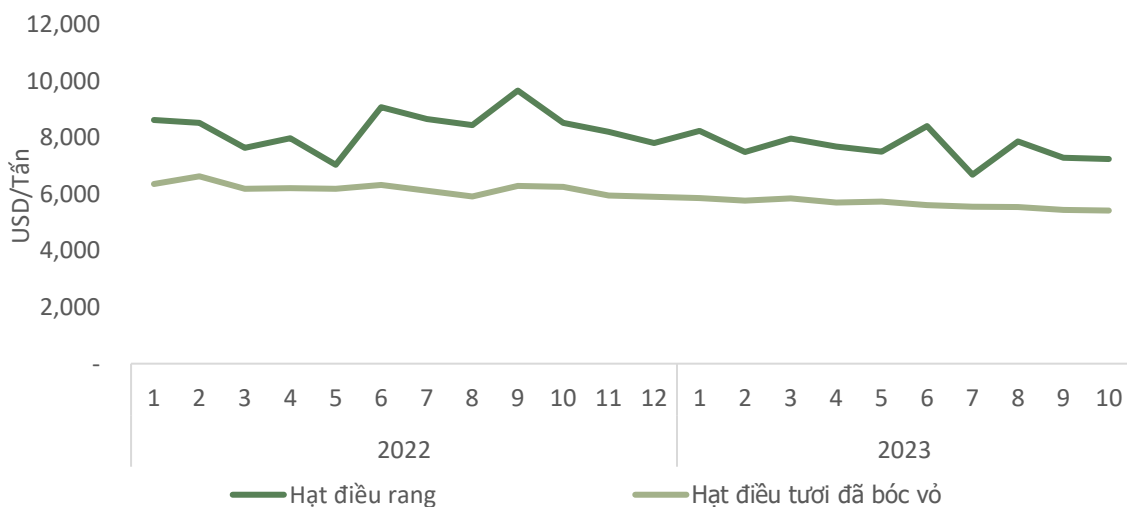


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU, T10/2023



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **72,4** triệu USD

Tăng **20,3%** so với T9/2023

Tăng **58,4%** so với T10/2022



Điều rang

Kim ngạch: **1,4** triệu USD

Giảm **7,6%** so với T9/2023

Tăng **115%** so với T10/2022

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **5.422 USD/tấn**; **giảm 0,3%** so với tháng trước; và **giảm 13,3%** so với cùng kỳ năm 2022.

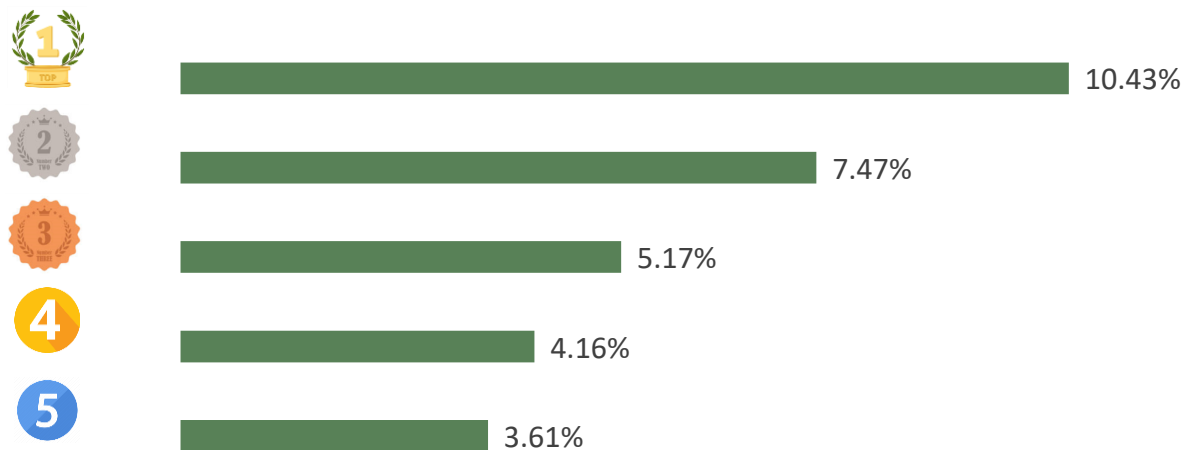
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **7.233 USD/tấn**; **giảm 0,7%** so với tháng trước; và **giảm 15%** so với cùng kỳ năm 2022.

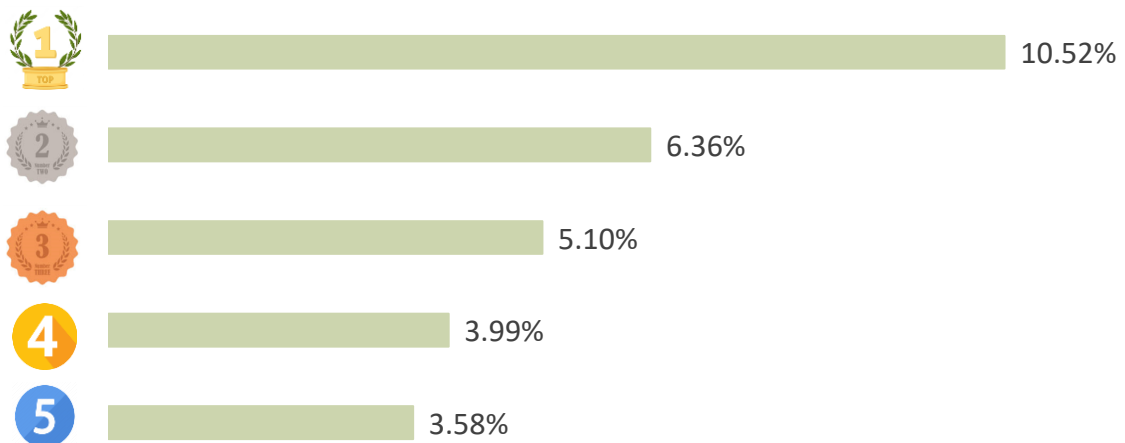


ĐIỀU

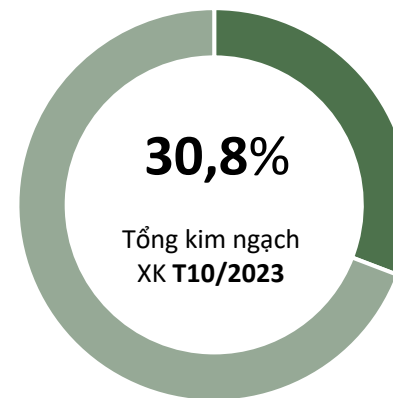
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



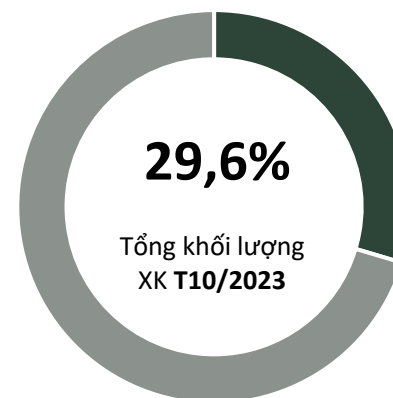
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG ĐIỀU EU

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 8 tháng đầu năm 2023, Hà Lan nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối EU đạt xấp xỉ 39,17 nghìn tấn, trị giá 226,55 triệu EUR (tương đương 242,18 triệu USD), tăng 1,7% về lượng, nhưng giảm 9,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Hà Lan giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, Ấn Độ, nhưng tăng từ Bờ Biển Ngà, Burkina Faso và Brazil..

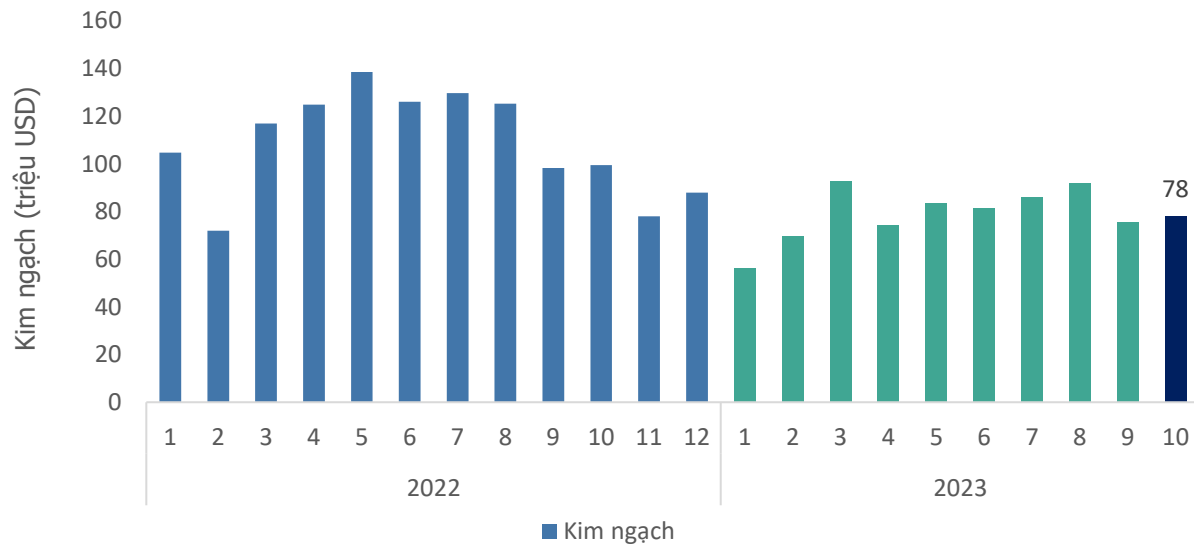
Nguồn: Bộ công thương (10/2023)





Thủy sản

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu Thủy sản sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

78,07 triệu USD



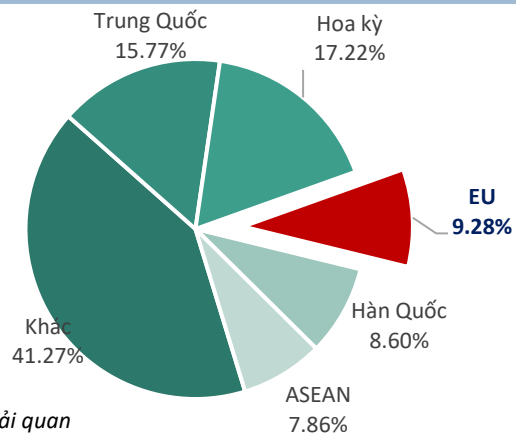
↗ Tăng **3,3%** so với T9/2023

↘ Giảm **21,5%** so với T10/2022

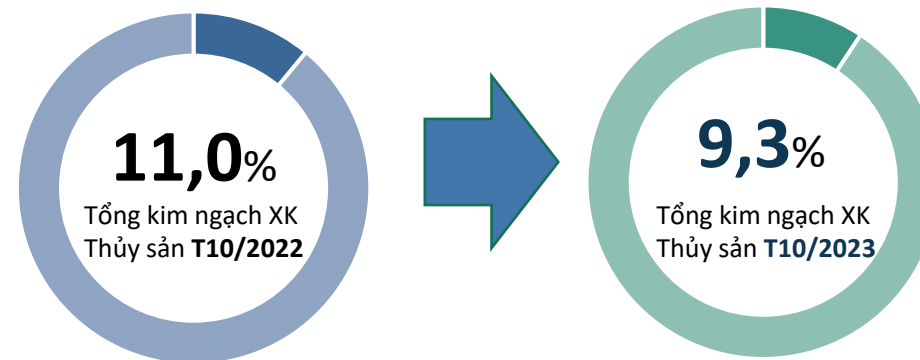
↘ Thấp hơn **30,4 triệu USD** so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **789,2 tr.USD**, đạt **60,6%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường EU, T10/2023



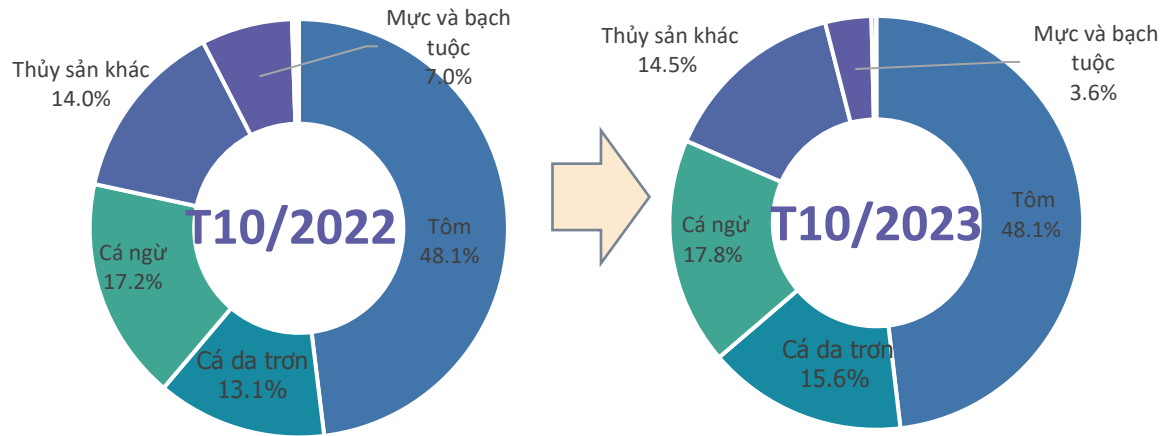
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường EU, T10/2023





Thủy sản

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU, T10/2023



Tôm

Kim ngạch: **37,3** Triệu USD
 Tăng **3,6%** so với T9/2023
 Giảm **21,9%** so với T10/2022



Cá da trơn

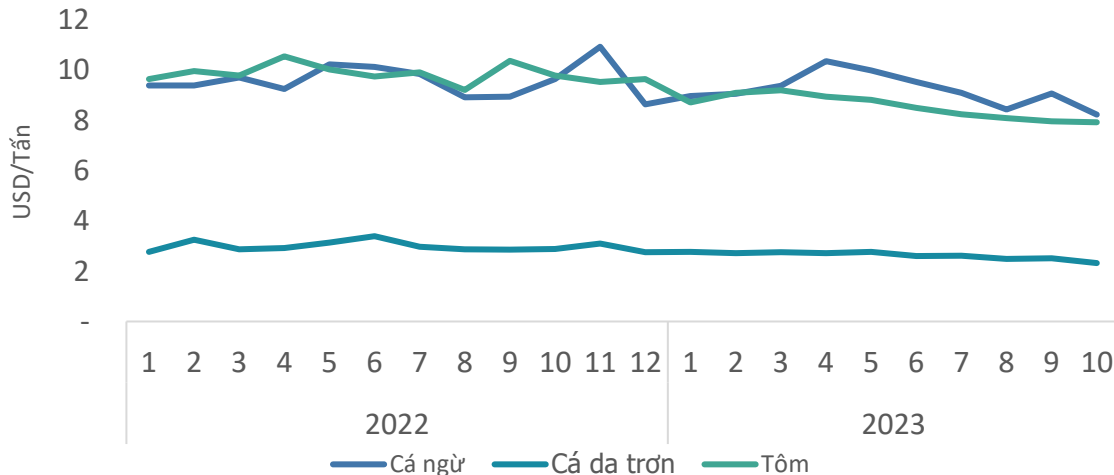
Kim ngạch: **12,1** Triệu USD
 Giảm **14,3%** so với T9/2023
 Giảm **7,3%** so với T10/2022



Cá ngừ

Kim ngạch: **13,8** Triệu USD
 Tăng **7,9%** so với T9/2023
 Giảm **19,5%** so với T10/2022

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Cá ngừ

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **8,2** USD/kg **giảm 9,3%** so với tháng trước; và **giảm 14,7%** so với cùng kỳ năm 2022.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **2,5** USD/kg; **giảm 7,6%** so với tháng trước; và **giảm 19,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

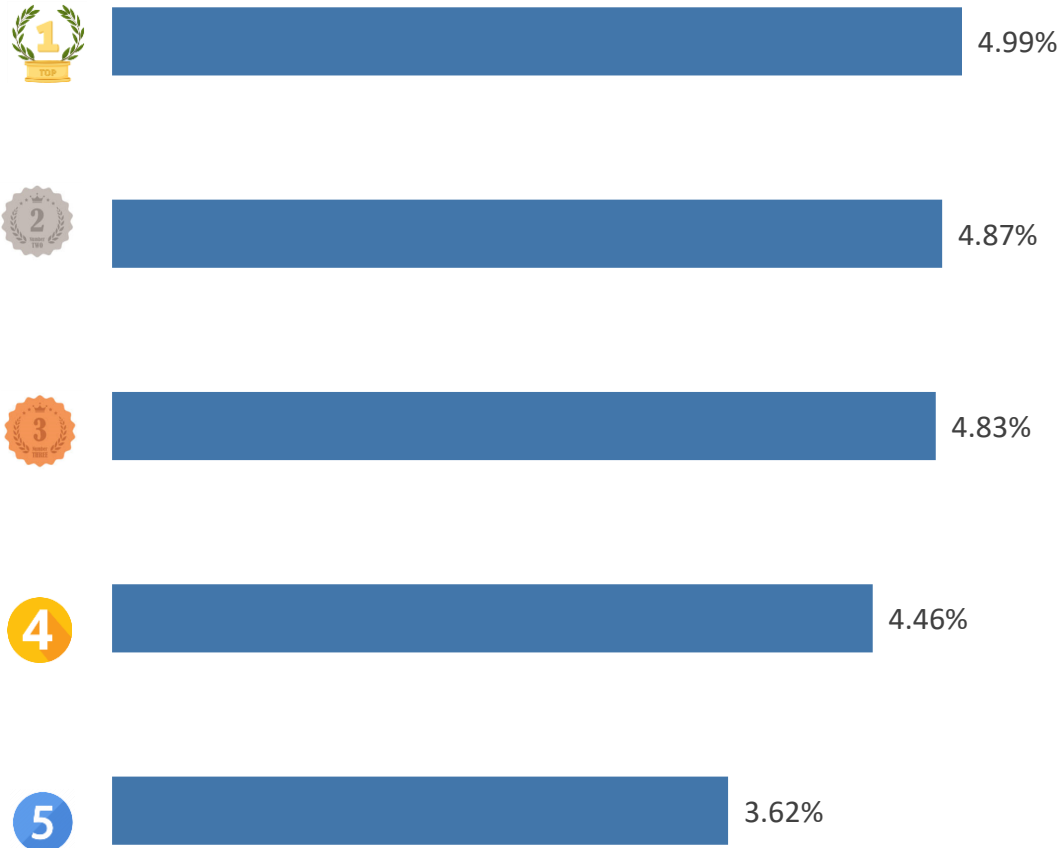
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **8,0** USD/kg; **giảm 0,5%** so với tháng trước; và **giảm 18,9%** so với cùng kỳ năm 2022.

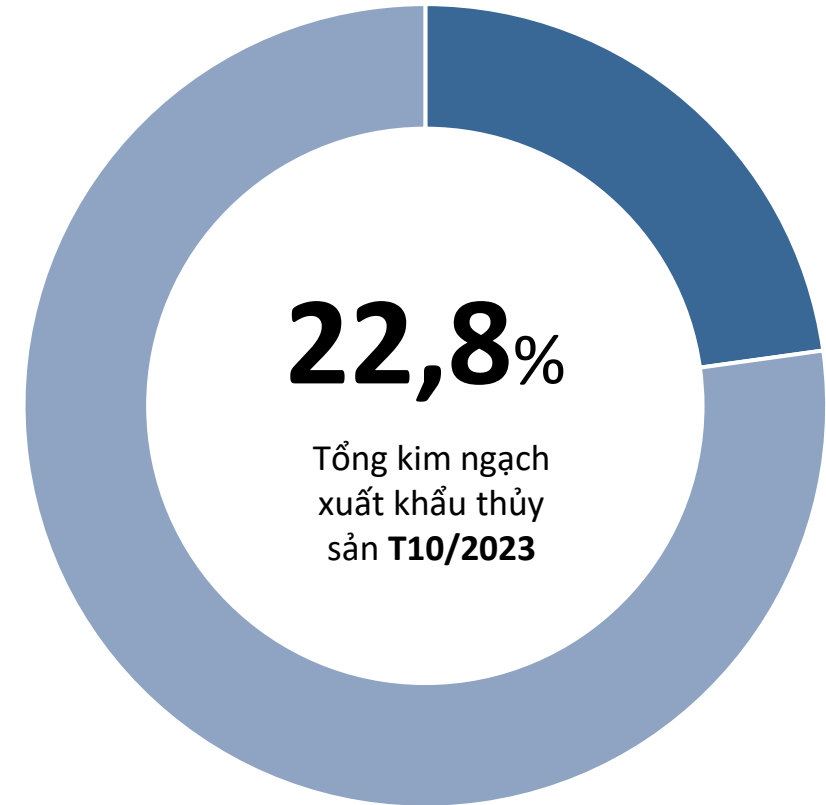


Thủy sản

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN EU

01

Hội đồng Châu Âu thông qua hạn ngạch thuế quan (ATQ) cho các sản phẩm thủy sản (2024-2026)

Hạn ngạch thuế quan chỉ áp dụng cho các sản phẩm nhập khẩu để tiếp tục chế biến trong EU. Mục tiêu chính của hạn ngạch mới ban hành này là đảm bảo khả năng cạnh tranh của ngành chế biến thủy sản của EU, đồng thời duy trì sự cân bằng giữa các sản phẩm thủy sản nhập khẩu và sản phẩm thủy sản do EU sản xuất. ATQ đã được thiết lập với sự xem xét cẩn thận về tác động tiềm tàng của chúng đối với các nhà cung cấp EU, đảm bảo cạnh tranh công bằng.

Nguồn: thefishingdaily.com (11/2023)

02

EC yêu cầu Trung Quốc minh bạch hơn trong khai thác hải sản

Cuộc họp toàn thể của Nghị viện châu Âu (MEP) ngày 28/11 đã yêu cầu Trung Quốc cung cấp thông tin minh bạch hơn và nhiều dữ liệu hơn về quy mô đội tàu, sản lượng khai thác, trợ cấp và thỏa thuận với các nước thứ ba để chống đánh bắt cá bất hợp pháp tốt hơn. MEP đã thông qua nghị quyết, với 573 phiếu thuận, 11 phiếu chống và 30 phiếu trắng, kêu gọi Trung Quốc “minh bạch hơn trong các hoạt động đánh bắt cá cũng như trong các thỏa thuận với các nước thứ ba”.

Nguồn: Vasep (11/2023)

03

Hội đồng Bộ trưởng EU phê duyệt các hệ thống kiểm soát nghề cá chặt chẽ hơn

Theo Hội đồng, các quy định cập nhật nhằm mục đích hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả của cơ chế kiểm soát đánh bắt cá. Khoảng 70% các quy định hiện hành về kiểm soát tàu cá sẽ được sửa đổi theo quy định mới. Bước này đảm bảo rằng các tàu EU và những người đánh bắt cá trong vùng biển EU phải tuân thủ các nguyên tắc được nêu trong Chính sách nghề cá chung (CFP). EU sẽ triển khai một hệ thống kỹ thuật số, có tên là 'CATCH', để quản lý giấy chứng nhận khai thác và các tài liệu liên quan nhằm nâng cao khả năng của cơ quan chức năng trong việc phát hiện các sản phẩm khai thác IUU.

Nguồn: thefishingdaily.com (11/2023)

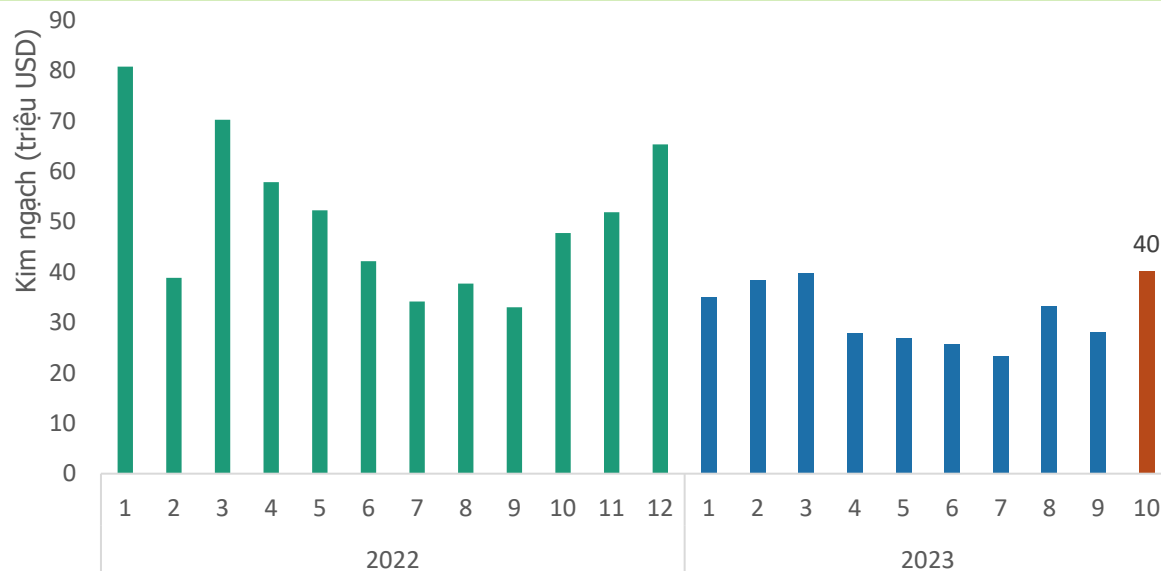


Tin liên quan



GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH



40

triệu USD

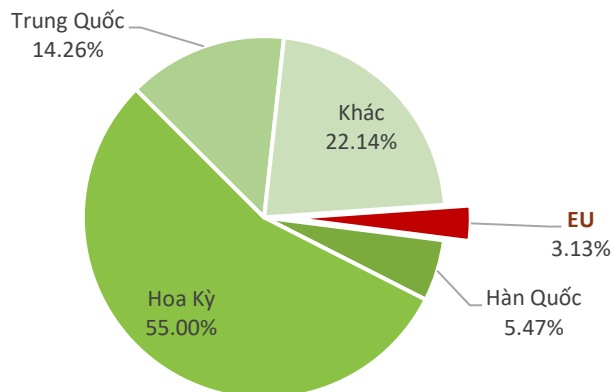
↗ Tăng **42,9%** so với T9/2023

↘ Giảm **15,9%** so với T10/2022

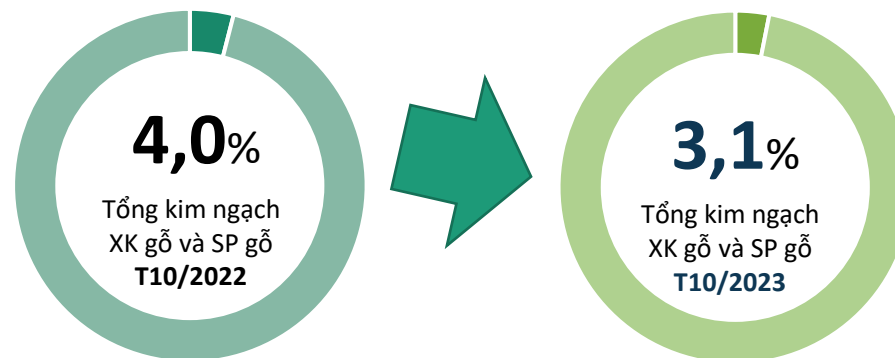
↓ Thấp hơn **11 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

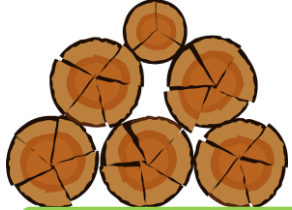
❖ Lũy kế 10 tháng đạt **319 tr.USD**, đạt **52,0%** kim ngạch 2022

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU, T10/2023



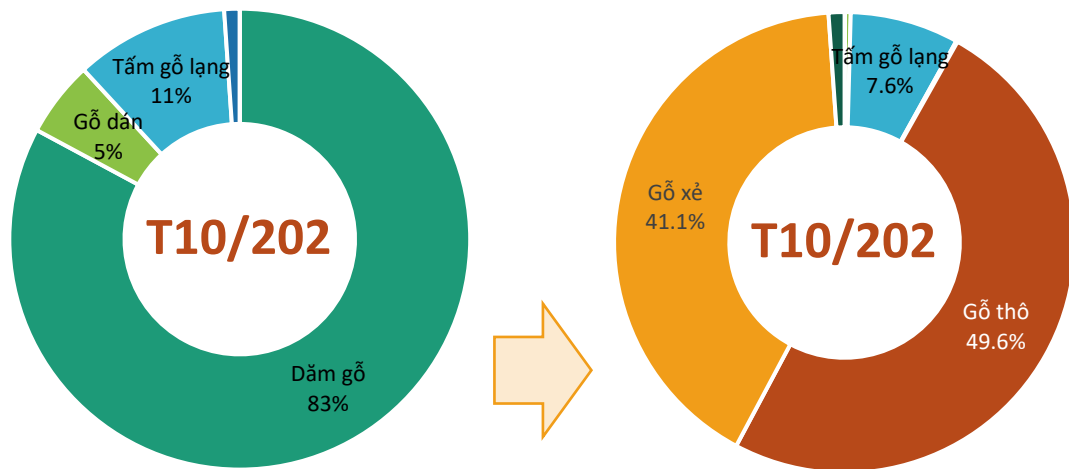
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU, T10/2023





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU, T10/2023



Gỗ thô

Kim ngạch: **6,5** triệu USD
 Tăng **100%** so với T9/2023
 Tăng **100%** so với T10/2022



Gỗ xẻ

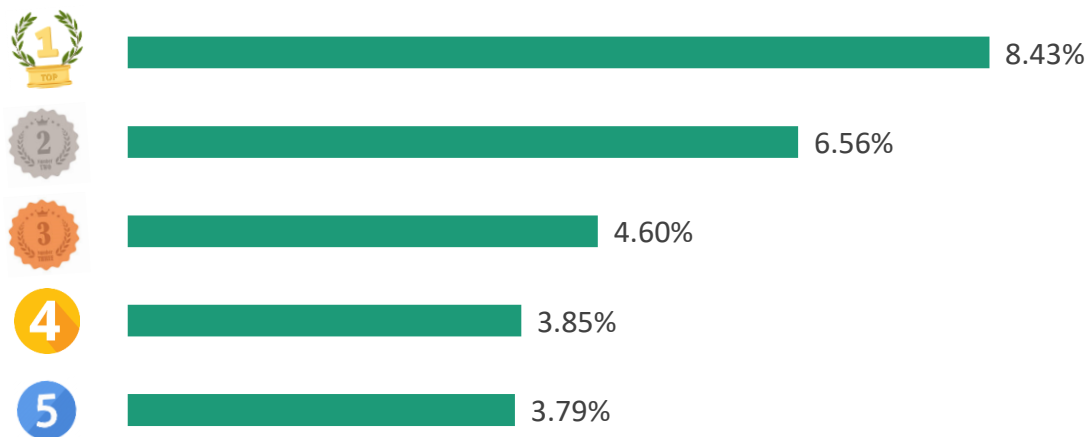
Kim ngạch: **5,4** triệu USD
 Tăng **100%** so với T9/2023
 Tăng **100%** so với T10/2022



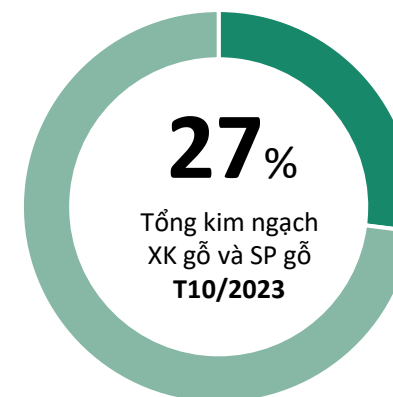
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **1,0** triệu USD
 Tăng **915%** so với T9/2023
 Tăng **16%** so với T10/2022

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ EU



EU đã thiết lập giới hạn phát thải tối đa đối với formaldehyde trong các sản phẩm tiêu dùng. Các quy tắc nhằm giảm tác động xấu đến sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc với formaldehyde (một hợp chất hóa học độc hại cho sức khỏe con người được sử dụng rộng rãi trong sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng và thực phẩm). Đối với các sản phẩm và đồ nội thất bằng gỗ cũng như nội thất của phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn liên quan formaldehyde sẽ là 0,062 mg/m³ trong không khí trong nhà.

Nguồn: Congthuong.vn



TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU, T10/2023

KIM NGẠCH

8,8 triệu USD

↗ Tăng **29,0%** so với T9/2023

↗ Tăng **7,8%** so với T10/2022

↓ Thấp hơn **0,52** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **65,3** triệu USD, đạt **58,5%** kim ngạch năm 2022

KHỐI LƯỢNG

6,38 nghìn tấn

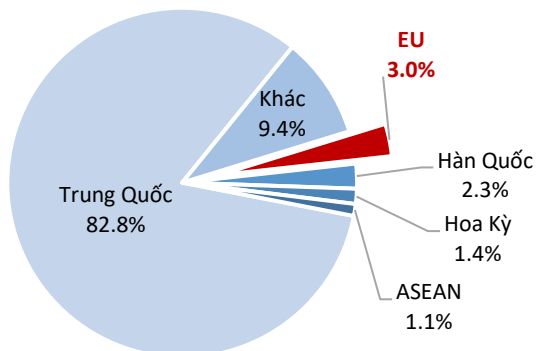
↗ Tăng **27,8%** so với T9/2023

↗ Tăng **11,8%** so với T10/2022

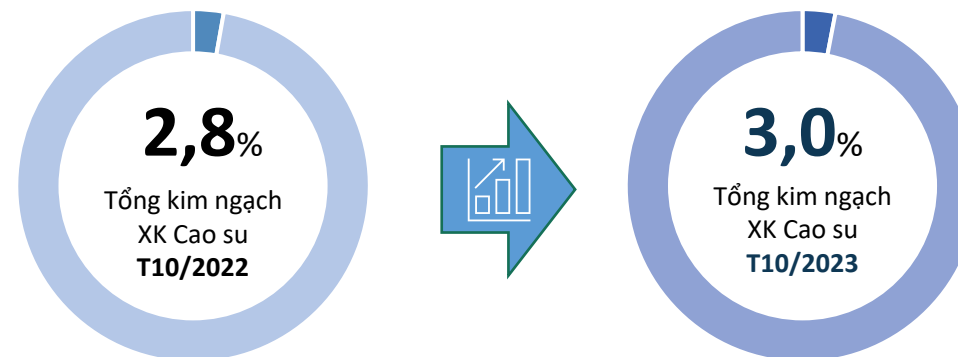
↓ Thấp hơn **0,6** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 10 tháng 2023 đạt **46,0** nghìn tấn, đạt **66,1%** khối lượng năm 2022

Tỷ trọng giá trị cao su sang thị trường EU, T10/2023



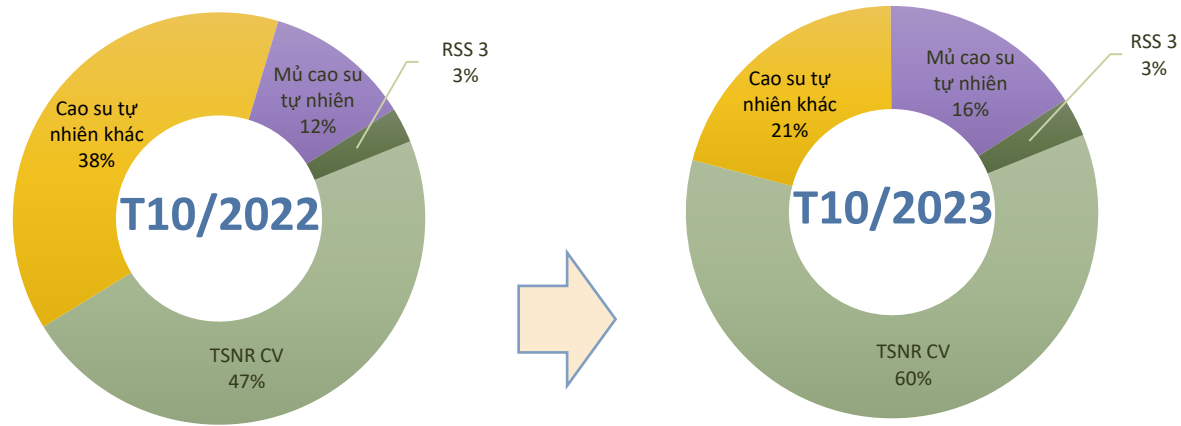
Biến động tỷ trọng giá trị cao su sang thị trường EU, T10/2023





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU, T10/2023



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **1,85** triệu USD
Giảm **29,3%** so với T9/2023
Giảm **42,3%** so với T10/2022



TSNR CV

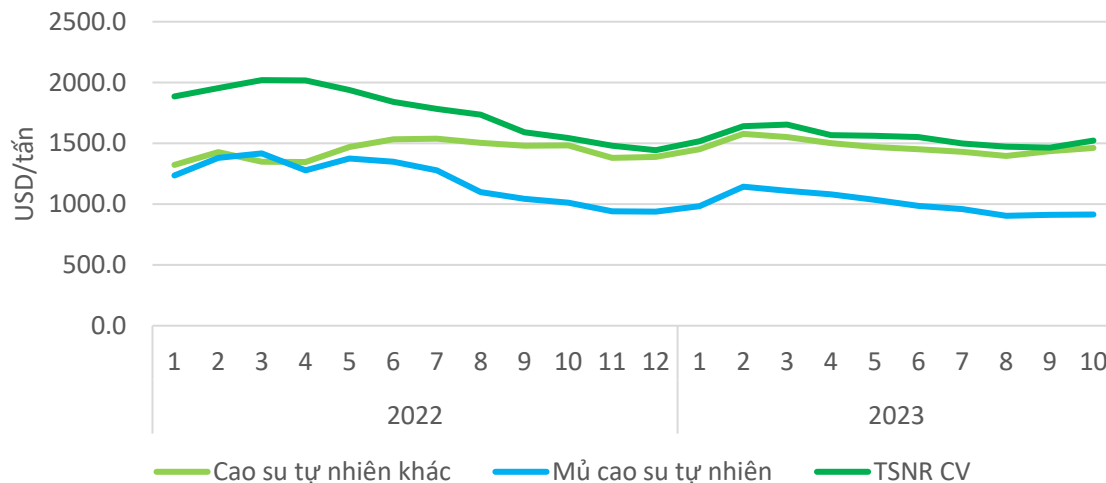
Kim ngạch: **5,35** triệu USD
Tăng **65,6%** so với T9/2023
Tăng **35,3%** so với T10/2022



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **1,4** triệu USD
Tăng **102,7%** so với T9/2023
Tăng **47,9%** so với T10/2022

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường EU, T10/2023



Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **1.462 USD/tấn**; tăng **1,8%** so với tháng trước; và giảm **1,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **1.523 USD/tấn**; tăng **4,0%** so với tháng trước; và giảm **1,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

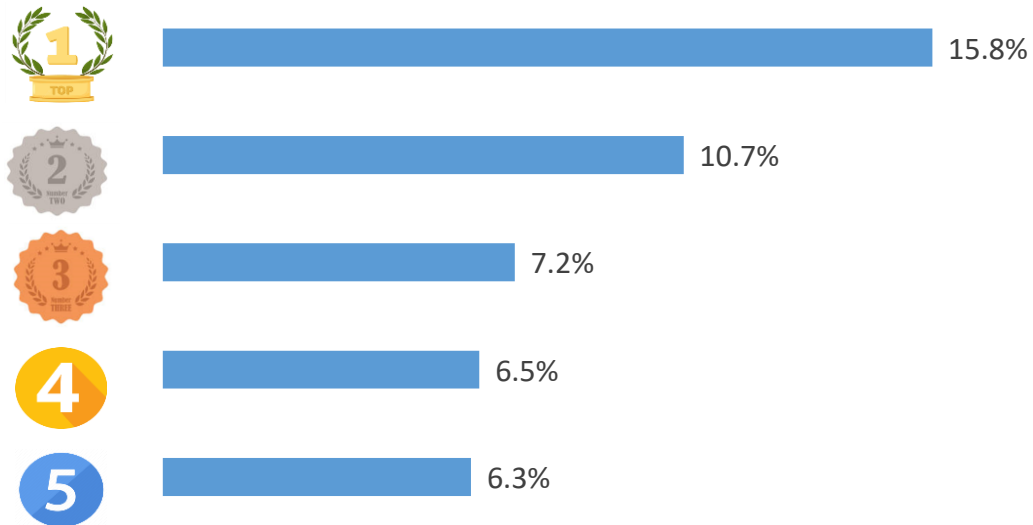
Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T10/2023 ở mức **914 USD/tấn**; tăng **0,1%** so với tháng trước; và giảm **9,7%** so với cùng kỳ năm 2022.

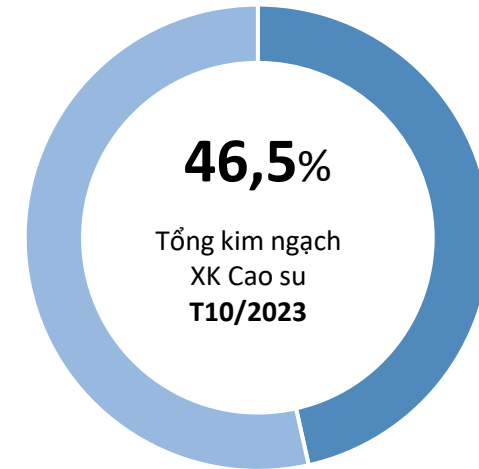


CAO SU

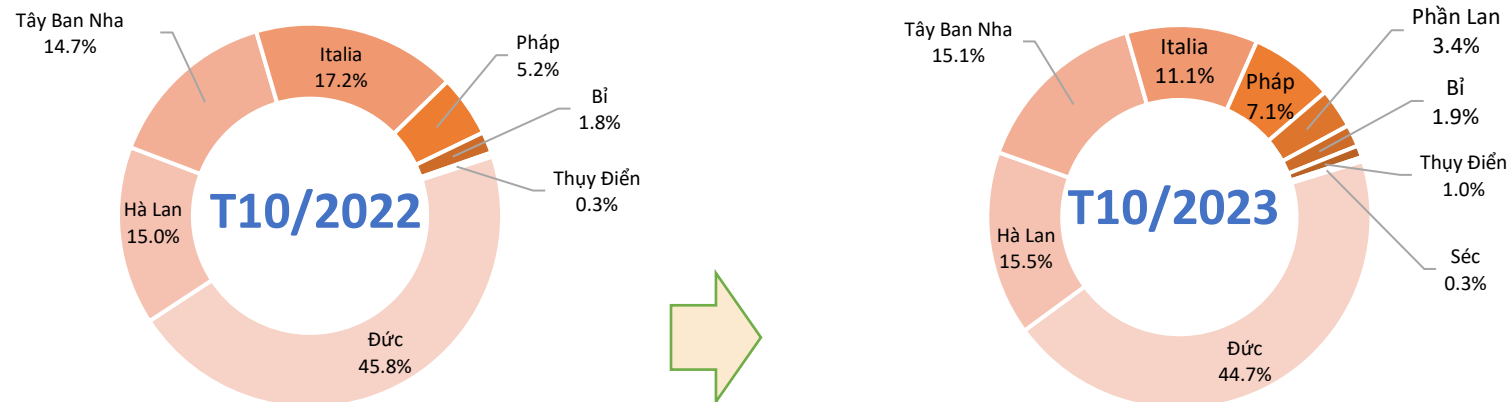
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU, T10/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường EU, T10/2023



Biến động tỷ trọng xuất khẩu cao su của Việt Nam sang một số nước trong khối EU, T10/2023





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU EU

Theo Hiệp hội các nhà sản xuất lốp xe và cao su châu Âu (ETRMA), mặc dù số lượt đăng ký ô tô mới có xu hướng tích cực, nhưng doanh thu thị trường lốp xe châu Âu vẫn giảm trong Quý III/2023. Doanh số bán lốp tiêu dùng thay thế giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái; lốp xe tải và xe buýt (TBR) giảm 7%; lốp xe nông nghiệp và lốp xe máy/xe tay ga bị ảnh hưởng nhất với mức giảm doanh thu lần lượt là 21% và 20%.

Bên cạnh những thách thức do tình trạng bất ổn kinh tế toàn cầu mang lại, ETRMA cho biết các thương hiệu lốp thay thế mới nổi đang tìm cách để thâm nhập thị trường châu Âu, điều này làm tăng tính cạnh tranh thị trường của mặt hàng này.

Ipsard

AGRO@INFO

Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo